

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG

**PHÁP LUẬT VỀ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG

**PHÁP LUẬT VỀ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. TRẦN ĐÌNH HẢO

HÀ NỘI, năm 2017

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình nghiên cứu đề tài: “*Pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*”, tác giả đã gặp rất nhiều khó khăn. Song do nhận được sự giúp đỡ của các thầy cô giáo, của ban lãnh đạo, của các phòng ban trong tác giả đã hoàn thành được đề tài theo đúng kế hoạch.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến giáo viên hướng dẫn khoa học PGS.TS. *Trần Đình Hảo* đã tận tình hướng dẫn trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Do thời gian nghiên cứu và trình độ hạn chế, đề tài không tránh khỏi một số sai sót. Tác giả mong muốn sẽ nhận được nhiều đóng góp quý báu từ các thầy cô và bạn đọc để đề tài hoàn thiện hơn nữa và có ý nghĩa thiết thực trong thực tiễn áp dụng.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tác giả

Phạm Thị Minh Phương

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là đề tài nghiên cứu do tôi thực hiện. Các số liệu và kết luận nghiên cứu trình bày trong luận văn là trung thực và chưa được ai sử dụng trong bất kỳ công trình luận văn nào trước đây.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Tác giả

Phạm Thị Minh Phương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH	5
1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế đối với hộ kinh doanh	5
1.2. Những vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh.....	10
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI	22
2.1. Thực trạng quy định pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh ở Việt Nam.....	22
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi	37
2.3. Thực trạng hiệu quả thi hành pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi	51
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI	56
3.1. Một số yêu cầu cơ bản nhằm hoàn thiện pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	56
3.2. Giải pháp về hoàn thiện pháp luật từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi	58
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác thực hiện pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh.....	74
KẾT LUẬN	80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1.	Sự phát triển của hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2013 - 2015	39
Bảng 2.2.	Phân bố cơ sở sản xuất kinh doanh hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo ngành nghề hoạt động ở năm 2015	40
Bảng 2.3.	Quy mô và tỷ trọng thu thuế hộ kinh doanh trong NSNN tỉnh Quảng Ngãi (ngân sách đã trừ phần thu ngân sách của nhà máy lọc dầu Dung Quất)	41
Bảng 2.4.	Kết quả thu thuế hộ kinh doanh năm 2013 - Phân theo sắc thuế	42
Bảng 2.5.	Kết quả thu thuế năm 2013 - phân theo đơn vị thu	43
Bảng 2.6.	Tình hình thực hiện pháp luật thuế của các hộ kinh doanh	44
Bảng 2.7.	Kết quả thu ngân sách năm 2014 - phân theo sắc thuế	45
Bảng 2.8.	Kết quả thu ngân sách năm 2014 - phân theo đơn vị thu	46
Bảng 2.9.	Tình hình thực hiện pháp luật thuế của hộ kinh doanh năm 2014	46
Bảng 2.10.	Kết quả thu ngân sách năm 2015 - phân theo sắc thuế	49
Bảng 2.11.	Kết quả thu ngân sách năm 2015 - phân theo đơn vị thu	49
Bảng 2.12.	Tình hình thực hiện pháp luật thuế của các HKD năm 2015	50

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế do Nhà nước tổ chức và thực hiện. Đó là sự chuyển dịch một chiều thu nhập từ phía doanh nghiệp và dân cư (khu vực tư) vào khu vực công. Phía sau quá trình chuyển dịch này gồm nhiều vấn đề đặt ra như: tương quan giữa số thuế thu được trong hiện tại và tương lai; ảnh hưởng của thuế đến hành vi kinh doanh, đến động thái tiêu dùng xã hội; thuế và tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội...

“Thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN”, hàng năm số thu về thuế chiếm khoảng 80% đến 90% tổng thu NSNN. Điều đó đòi hỏi Nhà nước cần tu chỉnh các Luật thuế, các văn bản pháp lý khác về thuế nhằm hoàn thiện hệ thống thuế, đưa thuế ngày càng tiếp cận thực tiễn. Để phản ánh và theo kịp bước chuyển của nền kinh tế thì quản lý thu thuế cần phải thay đổi và phải được hoàn thiện hơn để đáp ứng tình hình phát triển kinh tế của đất nước cũng như các cam kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay. Qua đó khai thác tối đa những uy lực vốn có của thuế để kích thích sự phát triển kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất kinh doanh của mọi đơn vị thuộc các thành phần kinh tế và đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

Khu vực hộ kinh doanh có vai trò quan trọng trong tạo việc làm, thu nhập và đóng góp cho ngân sách. Song đây là nguồn thu phức tạp, số lượng hộ kinh doanh rất lớn và không ngừng tăng lên, tình trạng thất thu, nợ đọng thuế phổ biến, nhân lực và chi phí quản lý thuế khá lớn.

Quảng Ngãi là một tỉnh duyên hải miền Trung, số thu về thuế không nhiều, chưa đủ đáp ứng nhu cầu chi tiêu của địa phương, nhưng trong đó hộ kinh doanh đã đóng góp một phần không nhỏ vào số thu hàng năm của ngân sách địa phương. Nhiều năm qua ngành thuế tỉnh Quảng Ngãi nói chung, thuế hộ kinh doanh nói riêng đã hoàn thành kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước giao. Nhưng với tính chất đa dạng và phức tạp của khu vực kinh tế này, công

tác quản lý thu thuế ở tỉnh Quảng Ngãi cần được khắc phục những mặt hạn chế và tồn tại, đảm bảo nuôi dưỡng nguồn thu, thu đúng, thu đủ theo quy định của pháp luật.

Hoàn thiện pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh sẽ tạo điều kiện để ngành thuế tập trung nguồn lực cho các nguồn thu lớn, đảm bảo hoàn thành công tác thuế và góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội tại địa phương. Đây là vấn đề cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Vì vậy Em chọn đề tài: *“Pháp luật về thuế đối với Hộ kinh doanh từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi”*.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cho đến nay đã có một số đề tài nghiên cứu xung quanh vấn đề về thuế - Pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh. Mỗi đề tài nghiên cứu đều có mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, cách tiếp cận và mục tiêu cụ thể khác nhau. Tuy nhiên, hầu hết các đề tài chủ yếu chỉ tập trung vào công tác quản lý thuế tại một số các địa bàn cụ thể. Thực trạng pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh hiện nay là một đề tài mới mẻ, chưa có nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học khác.

Một số công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố như:

Luận văn “Hoàn thiện công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Quảng Nam” (năm 2012) của tác giả Trần Thị Thanh Thủy, Đại học Đà Nẵng.

Luận văn “Hoàn thiện quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh” (năm 2012) của tác giả Đặng Thị Thùy Trang, trường Đại học kinh tế quốc dân.

Luận văn “Hoàn thiện công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh huyện Phú Thiện, Gia Lai” (năm 2013) của tác giả Nguyễn Công Thạch, Đại học Đà Nẵng.

Ngoài ra, còn có một số các công trình khoa học nghiên cứu về hộ kinh doanh:

Luận văn “Pháp luật về hộ kinh doanh ở Việt Nam” (năm 2012) của tác giả Hoàng Minh Sơn, Đại học quốc gia Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và những giải pháp thiết thực nhằm tăng cường, hoàn thiện Pháp luật về thuế đối với HKD trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận của Pháp luật về thuế đối với các HKD. Từ đó phân tích đánh giá thực trạng Pháp luật về thuế đối với các HKD trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Nhằm đề xuất quan điểm, giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục hoàn thiện và tăng cường Pháp luật về thuế đối với HKD tại tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Tình trạng vi phạm pháp luật về thuế của các hộ kinh doanh thường xảy ra dưới nhiều hình thức, với các mức độ khác nhau, trong khi thực trạng quản lý các hộ kinh doanh cũng còn những bất cập dẫn đến hiệu quả thu thuế ở đối tượng này chưa đạt kết quả cao. Yêu cầu đặt ra là phải hoàn thiện chính sách và công cụ quản lý để nâng cao hiệu quả thu thuế đối với hộ kinh doanh cá thể.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Pháp luật về thuế đối với HKD là đa dạng và phức tạp. Vì vậy, phạm vi nghiên cứu của đề tài chỉ tập trung nghiên cứu Pháp luật về thuế đối với các HKD trong các hoạt động sản xuất kinh doanh - dịch vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi gồm: Doanh nghiệp tư nhân, Hộ kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ từ năm 2013 - 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật; quan điểm, chủ trương đường lối chính sách của Đảng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như:

Phương pháp thống kê, hệ thống, phân tích, tổng hợp, khảo sát, so sánh luật học, sử dụng các tài liệu sơ cấp, thứ cấp, tìm hiểu và học hỏi kinh nghiệm từ các cá nhân, tổ chức có kinh nghiệm pháp luật và hiểu biết về thuế đối với hộ kinh doanh cá thể.

Từ những đánh giá về thực trạng, những ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân của những tồn tại của Pháp luật về thuế đối với các HKD ở tỉnh Quảng Ngãi, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường và hoàn thiện Pháp luật về thuế đối với các hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận Pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh. Đánh giá thực trạng về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh tại Quảng Ngãi. Khảo sát ý kiến của hộ kinh doanh tìm ra những bất cập trong công tác về thuế.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho lãnh đạo và các cán bộ nghiệp vụ ở cơ quan thuế trong quá trình lập dự toán, phân tích, đánh giá kế hoạch thu, đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện Pháp luật về thuế đối với HKD. Đảm bảo sự tinh tế trong hành thu; hạn chế đến mức thấp nhất hiện tượng thất thu thuế; thực hiện công bằng trong điều tiết thuế ở các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung luận văn chia thành 3 chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về thuế đối với hộ kinh doanh

Chương 2: Thực trạng pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi

Chương 3: Các kết luận và giải pháp hoàn nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 1

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THUẾ

ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH

1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế đối với hộ kinh doanh

1.1.1. Khái quát về hộ kinh doanh, thuế

• Hộ kinh doanh

- Theo điều 49 nghị định 43/2010/NĐ-CP:

1. Hộ kinh doanh do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng không quá mười lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

2. Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề có điều kiện. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương.

3. Hộ kinh doanh có sử dụng thường xuyên hơn mười lao động phải chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức doanh nghiệp.

- Đặc điểm của hộ kinh doanh:

✓ Hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân:

Hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập có bản chất là cá nhân kinh doanh, do đó không thể là pháp nhân. Nó khác với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là một thực thể tách biệt với chủ sở hữu của nó. Trong khi đó hộ kinh doanh không phải là một thực thể tách biệt với cá nhân thành lập nên nó. Mọi tài sản trong của hộ kinh doanh đều là tài sản của cá nhân tạo lập nó. Cá nhân tạo lập hộ

kinh doanh hưởng toàn bộ lợi nhuận (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính và thanh toán theo qui định của pháp luật) và gánh chịu mọi nghĩa vụ. Cá nhân tạo lập hộ kinh doanh có thể là nguyên đơn hoặc bị đơn trong các vụ án liên quan tới hoạt động của hộ kinh doanh.

Trường hợp hộ kinh doanh được tạo lập bởi hộ gia đình, thì hộ kinh doanh có bản chất là hộ gia đình kinh doanh. Do đó hộ kinh doanh cũng không phải là pháp nhân. Hộ kinh doanh được tạo lập bởi một nhóm người cũng không có tư cách pháp nhân.

✓ *Hộ kinh doanh là hình thức kinh doanh qui mô rất nhỏ:*

Đặc điểm này không xuất phát từ bản chất bên trong của hình thức kinh doanh này mà xuất phát từ các qui định của pháp luật Việt Nam căn cứ vào số lượng lao động được sử dụng trong hộ kinh doanh. Điều này gây tổn kém không thật cần thiết cho người kinh doanh và có thể trái với ý chí và khả năng kinh doanh của họ. Việc buộc hộ kinh doanh sử dụng thường xuyên hơn mười lao động phải đăng ký kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp có lẽ chưa tính đến đặc trưng của từng ngành nghề kinh doanh. Với một cửa hàng cơm bình dân con số người phục vụ có thể lên tới hàng chục với các công việc như nấu ăn, chạy chợ, phục vụ bàn, vệ sinh, trông xe... Hộ kinh doanh theo Nghị định số 88/2006 NĐ- CP chỉ được tiến hành kinh doanh tại “một địa điểm”. Bản thân cụm từ “một địa điểm” ở đây cũng cần được giải thích. Nếu “một địa điểm” không phải là một địa phương như xã (phường), huyện (quận) hoặc tỉnh (thành phố), thì nó có nghĩa là mỗi hộ kinh doanh chỉ có thể có một cửa hàng hoặc một cơ sở sản xuất đặt tại một địa phương nhất định. Ý thứ hai có lẽ phù hợp hơn qui định tại Điều 38, khoản 1 của Nghị định số 88/2006 NĐ- CP.

Các qui định trên thực chất không cho phép hộ kinh doanh mở rộng qui mô sản xuất, kinh doanh, hay nói cách khác, hạn chế kinh doanh dưới

hình thức hộ kinh doanh. Như vậy quyền tự do kinh doanh phần nào đó có sự hạn chế.

✓ *Chủ hộ kinh doanh chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ của hộ kinh doanh:*

Hộ kinh doanh không phải là một thực thể độc lập, tách biệt với chủ nhân của nó. Nên về nguyên tắc chủ nhân của hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với khoản nợ của hộ kinh doanh, có nghĩa là chủ nhân của hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình kể cả tài sản không đưa vào kinh doanh.

✓ *Hộ kinh doanh không có con dấu:* Theo điều 49 nghị định 43/2010/NĐ-CP, hộ kinh doanh không sử dụng con dấu.

- *Thuế:*

Theo nhà kinh tế học Gaston Jeze trong cuốn “Tài chính công” đưa ra một định nghĩa tương đối cổ điển về thuế: “Thuế là một khoản trích nộp bằng tiền, có tính chất xác định, không hoàn trả trực tiếp do các công dân đóng góp cho nhà nước thông qua con đường quyền lực nhằm bù đắp những chi tiêu của Nhà Nước.”. [22, tr.25]

Trên góc độ phân phối thu nhập: “Thuế là hình thức phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân nhằm hình thành các quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.”

Trên góc độ người nộp thuế: “Thuế là khoản đóng góp bắt buộc mà mỗi tổ chức, cá nhân phải có nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước theo luật định để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng , nhiệm vụ của nhà nước.”

Trên góc độ kinh tế học: “Thuế là một biện pháp đặc biệt, theo đó, nhà nước sử dụng quyền lực của mình để chuyển một phần nguồn lực từ khu

vực tư sang khu vực công nhằm thực hiện các chức năng kinh tế – xã hội của nhà nước.”

Theo từ điển tiếng việt: “Thuế là khoản tiền hay hiện vật mà người dân hoặc các tổ chức kinh doanh, tùy theo tài sản, thu nhập, nghề nghiệp... buộc phải nộp cho nhà nước theo mức quy định.”

Từ các định nghĩa trên ta có thể rút ra được một số đặc trưng chung của thuế là:

Thứ nhất, nội dung kinh tế của thuế được đặc trưng bởi các mối quan hệ tiền tệ phát sinh dưới nhà nước và các pháp nhân, các thể nhân trong xã hội.

Thứ hai, những mối quan hệ dưới dạng tiền tệ này được nảy sinh một cách khách quan và có ý nghĩa xã hội đặc biệt- việc chuyển giao thu nhập có tính chất bắt buộc theo mệnh lệnh của nhà nước.

Thứ ba, xét theo khía cạnh pháp luật, thuế là một khoản nộp cho nhà nước được pháp luật quy định theo mức thu và thời hạn nhất định.

Từ các đặc trưng trên của thuế , ta có thể nêu lên khái niệm tổng quát về thuế là: “ Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc từ các thể nhân và pháp nhân cho nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định nhằm sử dụng cho mục đích công cộng.”

Đặc điểm của thuế: Thuế có những thuộc tính tương đối ổn định qua từng giai đoạn phát triển và biểu hiện thành những đặc trưng riêng có của nó, qua đó giúp ta phân biệt thuế với các công cụ khác. Những đặc trưng đó là:

✓ *Tính bắt buộc:* Tính bắt buộc là thuộc tính cơ bản vốn có của thuế để phân biệt giữa thuế với các hình thức động viên tài chính khác của ngân sách nhà nước.

Đặc điểm này cho ta thấy rõ nội dung kinh tế của thuế là những quan hệ tiền tệ được hình thành một cách khách quan và có một ý nghĩa xã hội đặc biệt- việc động viên mang tính chất bắt buộc của nhà nước.Phân phối mang

tính chất bắt buộc dưới hình thức thuế là một phương thức phân phối của nhà nước, theo đó một bộ phận thu nhập của người nộp thuế được chuyển giao cho nhà nước mà không kèm theo một sự cấp phát hoặc những quyền lợi nào khác cho người nộp thuế, mà hành động đóng thuế là hành động thực hiện nghĩa vụ của người công dân.

✓ **Tính không hoàn trả trực tiếp:** Tính chất không hoàn trả trực tiếp của thuế được thể hiện ở chỗ: thuế được hoàn trả gián tiếp cho người nộp thuế thông qua việc cung cấp các dịch vụ công cộng của nhà nước. Sự không hoàn hảo trả trực tiếp được thể hiện kể cả trước và sau thu thuế. Trước khi thu thuế, nhà nước không hề cung ứng trực tiếp một dịch vụ công cộng nào cho người nộp thuế. Sau khi nộp thuế, nhà nước cũng không có sự bồi hoàn trực tiếp nào cho người nộp thuế.

✓ **Tính pháp lý cao:** Thuế là một công cụ tài chính có tính pháp lý cao, được quyết định bởi quyền lực chính trị của nhà nước và quyền lực ấy được thể hiện bằng pháp luật.

1.1.2. Khái niệm, vai trò của thuế đối với hộ kinh doanh

• **Khái niệm:** Dựa theo định nghĩa về thuế và hộ kinh doanh, thuế đối với hộ kinh doanh là khoản đóng góp bắt buộc từ các hộ kinh doanh cho nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định nhằm sử dụng cho mục đích công cộng.

• **Vai trò thuế đối với hộ kinh doanh:**

Tăng thu ngân sách nhà nước: Ở nước ta, số thu bằng thuế hàng năm chiếm tỉ trọng chủ yếu trong tổng thu ngân sách sách. Số thu bằng thuế đối với hộ kinh doanh tuy chiếm tỉ trọng nhỏ trong tổng thu ngân sách nhưng đây là lĩnh vực phức tạp, khó quản lý.

Thực hiện vai trò của Nhà nước đối với khu vực kinh tế này: Vai trò của thuế mang tính toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Song, những vai trò đó không

mang tính khách quan, mà nó là kết quả của những tác động từ phía con người. Những tác động này được thực hiện thông qua những nội dung, những công việc cụ thể của quản lý thuế.

Tăng cường ý thức chấp hành pháp luật cho các hộ kinh doanh: Qua công tác tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các luật thuế cùng với việc tăng cường tính pháp chế của luật thuế, ý thức chấp hành của các luật thuế được nâng cao, từ đó tạo thói quen “Sống và làm việc theo pháp luật” trong mọi tầng lớp dân cư.

1.2. Những vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh

1.2.1. Khái niệm của pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh

Quan hệ thu, nộp thuế giữa nhà nước và dân cư phải được thực hiện dựa trên những căn cứ pháp lý nhất định, đó chính là pháp luật thuế.

Pháp luật thuế là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thu, nộp thuế giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người nộp thuế nhằm hình thành nguồn thu ngân sách nhà nước để thực hiện các mục tiêu xác định trước.

Việc đưa ra khái niệm pháp luật thuế nhằm phân định ranh giới giữa các nhóm quan hệ, qua đó lựa chọn áp dụng các quy phạm pháp luật phù hợp, đạt được hiệu quả điều chỉnh cao.

Như vậy, pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh là tổng hợp các quy phạm điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thu, nộp thuế giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người nộp thuế là hộ kinh doanh nhằm hình thành nguồn thu ngân sách nhà nước để thực hiện các mục tiêu xác định trước.

1.2.2. Nội dung pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh

- *Đối tượng và phạm vi áp dụng pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh:*

✓ *Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động và nội dung hoạt động của các chủ thể, đối tượng điều chỉnh của pháp luật thuế bao gồm các nhóm quan hệ sau:*

❖ Nhóm các quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý thuế. Hoạt động quản lý thuế của các cơ quan có thẩm quyền bao gồm những nhóm hành vi cơ bản được tiến hành trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc quản lý hành chính và thể hiện thông qua một loạt loại hành vi.

❖ Nhóm các quan hệ phát sinh trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế. Để đảm bảo việc nộp thuế đầy đủ, đúng hạn, đảm bảo sự công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, pháp luật thuế điều chỉnh những loại hành vi cơ bản sau đây của những đối tượng này.

❖ Nhóm các quan hệ phát sinh trong quá trình xử lý vi phạm và khiếu nại về thuế.

✓ *Xét đối tượng điều chỉnh của pháp luật thuế, có thể nhận thấy:*

❖ Nhà nước, với tư cách là chủ thể quyền lực, luôn là một bên tham gia quan hệ thuế và trực tiếp chi phối các quan hệ đó.

❖ Các quan hệ đều nhằm hướng tới việc chuyển giao bắt buộc một nguồn tài chính vào cho nhà nước. Nguồn tài chính đó nhằm phục vụ lợi ích công cộng, điều chỉnh xã hội ở tầm vĩ mô.

- *Nguồn của pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh*

Nguồn của pháp luật thuế là các văn bản pháp luật do cơ quan có thẩm quyền ban hành điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thu, nộp thuế và các văn bản pháp luật quốc tế điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền thu thuế mà Việt Nam đã ký kết hoặc cam kết thực hiện.

- *Hệ thống pháp luật thuế ở nước ta hiện nay bao gồm:*

✓ Luật quản lý thuế 2006

✓ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016

✓ Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008

✓ Luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008

- ✓ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008
- ✓ Luật thuế thu nhập cá nhân năm 2007
- ✓ Luật thuế tài nguyên năm 2009
- ✓ Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010
- ✓ Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành những văn bản pháp luật nêu trên và các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Nguồn của văn bản pháp luật thuế do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam ban hành bao gồm các văn bản luật và văn bản dưới luật.

Luật do Quốc hội ban hành, sửa đổi, bổ sung như Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế xuất nhập khẩu, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp... Một điểm khá đặc thù trong hệ thống luật điều chỉnh hoạt động thu thuế do Nhà nước Việt Nam ban hành là quy định về thuế có thể được gnhận ở một văn bản luật đơn hành mà không hoàn toàn ghi nhận tại các luật thuế nói chung. [26, tr.5]

Pháp lệnh thuế do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành, sửa đổi, bổ sung như Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, Pháp lệnh thuế tài nguyên...

Các văn bản dưới luật khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các bộ quản lý ngành ban hành quy định chi tiết thi hành các luật, pháp lệnh thuế.

Trong đó, nguồn pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh bao gồm các văn bản luật do Quốc hội ban hành, sửa đổi, bổ sung và các văn bản dưới luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng quản lý ngành ban hành quy định về các loại thuế sau: [26]

- ✓ Thuế môn bài
- ✓ Thuế thu nhập cá nhân
- ✓ Thuế giá trị gia tăng

✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt

- *Quan hệ pháp luật thuế*

Quan hệ thu, nộp thuế thực hiện trên cơ sở các quy phạm pháp luật đã trở thành quan hệ pháp luật thuế. Quan hệ pháp luật thuế mang một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, quan hệ pháp luật thuế mang nặng tính quyền uy. Quyền và nghĩa vụ pháp lý trong quan hệ pháp luật thuế được đảm bảo thực hiện thông qua các biện pháp cưỡng chế nhà nước.

Thứ hai, quan hệ pháp luật thuế thường quy định cụ thể những quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia quan hệ. Tuy vậy, cho dù cụ thể đến đâu, các quy định này vẫn chỉ là “quy tắc xử sự” mà không thể quy định tất cả hoặc dự liệu được tất cả điều kiện mà quan hệ pháp luật thuế sẽ diễn ra.

Thứ ba, một bên tham gia quan hệ pháp luật thuế bao giờ cũng là cơ quan quản lý thuế.

- *Căn cứ xây dựng pháp luật thuế*

Pháp lệnh thuế phải được xây dựng dựa vào những tiêu chuẩn nhất định và điều chỉnh tổng thể các loại thuế khác nhau nhưng có mối liên hệ với nhau. Có thể nói, yêu cầu đặt ra đối với hệ thống luật thuế nói chung và cho từng luật thuế nói riêng là phải đảm bảo nguyên tắc trung lập của thuế, đảm bảo nguồn thu, cân đối ngân sách nhà nước; đảm bảo có sự chấp thuận từ phía người nộp thuế. Những đảm bảo này giúp cho nhà nước, bằng hệ thống pháp luật thuế và hệ thống các tổ chức hành thu, có được nguồn vật chất phục vụ cho việc thực hiện chức năng nhà nước đồng thời cũng không tạo ra sự phản ứng trong công chúng về thuế. Yêu cầu đặt ra cho hệ thống pháp luật thuế cũng có ảnh hưởng mạnh mẽ cấu hệ thống pháp luật thuế; thủ tục thu nộp thuế. Mức độ xem xét các yêu cầu cho hệ thống pháp luật thuế ở các quốc gia trong mỗi giai đoạn, điều kiện cụ thể là khác nhau. Đây cũng là một trong

những nội dung khác biệt về hệ thống pháp luật thuế của quốc gia này so với quốc gia khác. Việc lựa chọn một hệ thống pháp luật thuế, một đạo luật thuế phải được xem xét trên cơ sở đáp ứng những tiêu chí nhất định.

Mặc dù các tiêu chí này không phải là duy nhất và không phải nhất thiết phải đáp ứng toàn bộ nhưng chúng thường được đưa ra như những căn cứ để xây dựng một hệ thống pháp luật thuế, một đạo luật thuế cụ thể.

1.2.3. Các nhân tố tác động đến pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh

- Chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước:

Pháp luật là cụ thể hóa đường lối, cơ sở phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Bởi vậy, tất cả các văn bản pháp luật được ban hành đều phải dựa trên đường lối, cơ sở của Đảng và Nhà nước, lấy đó làm thước đo, làm kim chỉ nam để cụ thể hóa nó, đưa nó vào đời sống xã hội.

Các chính sách chủ trương của Đảng và Nhà nước có thể ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực thi pháp luật về thuế. Nếu các chính sách thuế phù hợp với hoàn cảnh điều kiện thực tế của đất nước thì pháp luật về thuế được tôn trọng và tuân theo. Các quy định về thuế đánh quá nhẹ ảnh hưởng trực tiếp đến ngân sách nhà nước, tuy nhiên nếu quy định về pháp luật thuế quá hà khắc, nặng nề dẫn đến tư tưởng “làm liều” của người dân nói chung và các hộ kinh doanh nói riêng chính sách về thuế không đảm bảo. Vì vậy Đảng và Nhà nước cần cân nhắc hợp lý các quy định của pháp luật với thực tiễn của đất nước.

Thế nhưng, nhà nước chỉ ban hành các quy định của pháp luật thể hiện đường lối, chủ trương của mình chưa đủ để người dân tuân thủ theo. Vì vậy, nhà nước ban hành các biện pháp chế tài mạnh đối với những hộ kinh doanh không thực hiện đúng theo pháp luật thuế. Những quy định này tác động đến suy nghĩ của người dân buộc phải thực thi đúng pháp luật.

- Yếu tố kinh tế

Có thời kỳ kinh tế của nước ta hầu như không phát triển với cơ chế quản

lý bằng kế hoạch hóa tập trung, con người sống và chịu áp đặt của cơ chế và vì vậy trong tư tưởng người ta cũng thường thấy bóng dáng của sự bao cấp – bao cấp cả trong suy nghĩ...sự trì trệ đó là do cơ sở kinh tế thấp kém, ít phát triển thậm chí ở một mức độ nào đó còn có thể khẳng định nhà nước quyết định số hàng hóa cụ thể đối với từng người cụ thể.

Tuy nhiên sự hạn chế của cơ chế kế hoạch hóa tập trung không thể chống lại sự phát triển của kinh tế theo một xu hướng mới – cơ chế thị trường với cơ cấu nhiều thành phần. Hộ kinh doanh là một thành phần kinh tế mới và đặc thù chỉ có ở Việt Nam xuất hiện khi nền kinh tế nước ta hoạt động theo cơ chế thị trường. Do vậy, việc ban hành các pháp luật thuế đối với thành phần kinh tế mới này là cần thiết, và sẽ còn thay đổi theo xu hướng phát triển của kinh tế.

- Yếu tố xã hội

Sự phát triển của nền kinh tế đương nhiên sẽ dẫn đến sự thay đổi của xã hội. Các điều kiện xã hội phức tạp bao gồm nhiều yếu tố như văn hóa, giáo dục, y tế... Ngay những cái được coi là bản sắc cũng có thể bị mai một, thậm chí còn nhiều biến chất trước sự thay đổi các điều kiện mới. Nhờ các điều kiện về kinh tế được nâng lên nên các điều kiện về xã hội cũng có nhiều chuyển biến. Sự chuyển biến này cũng xảy ra theo hai xu hướng hoặc là tích cực hoặc là tiêu cực. Khi nền kinh tế càng phát triển thì sự giao lưu văn hóa, lượng thông tin, tri thức... cũng có nhiều hạn chế và do vậy làm khả năng hiểu biết của con người cũng bị giới hạn. Giới hạn này cũng có thể làm cho con người không được tiếp xúc với pháp luật và vì vậy mà dẫn đến không biết pháp luật mà vi phạm quy định của pháp luật.

Ngược lại khi có nhiều thông tin có thể mang đến ảnh hưởng mạnh mẽ và cũng xảy ra theo hai xu hướng. Xu hướng thứ nhất đem lại hiểu biết của con người, các kiến thức về pháp luật thường thức, nó tạo ra thói quen sống

và làm việc theo pháp luật, thói quen đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực. Xu hướng thứ hai là nó có thể đem lại những hiểu biết có hại, nếu các thông tin được cung cấp là những thông tin không “sạch”, có hại chẳng hạn như: nhà nước đánh quá nhiều thuế lên người dân, tại sao phải đánh thuế thu nhập cá nhân lên người dân. Do đó, vấn đề kiểm soát thông tin và xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật là vấn đề hết sức quan trọng đối với nhà nước.

- Trình độ năng lực quản lý của bộ máy quản lý thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước tồn tại và phát triển, qua đó duy trì trật tự công bằng xã hội. Hiện nay nước ta đang phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế. Điều này đòi hỏi phải có một đội ngũ các nhà làm luật có trình độ nhận thức cao, nắm bắt được xu hướng phát triển của đất nước, nhạy bén trước những biến đổi của đời sống kinh tế xã hội trên thế giới. Như vậy có thể thấy trình độ năng lực của các nhà xây dựng pháp luật thuế có ảnh hưởng lớn đến nội dung của pháp luật thuế. Bởi pháp luật thuế được ban hành phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước, thể hiện được nguyện vọng của nhân dân. Ngược lại, nếu trình độ nhận thức của các nhà làm luật cao thì tất nhiên pháp luật thuế sẽ đảm bảo được tính khả thi, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước, thể hiện được nguyện vọng của nhân dân.

Ngược lại, nếu trình độ nhận thức của các nhà làm luật còn hạn chế, không nắm bắt được xu thế phát triển chung thì pháp luật thuế nói chung và thuế đối với hộ kinh doanh nói riêng khó có thể được thực hiện tốt và nghiêm minh, hơn nữa cũng không đảm bảo được sự công bằng xã hội

Trong những năm qua nhà nước đã chăm lo nhiều đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, phẩm chất đạo đức, tác phong cho đội ngũ cán bộ quản lý thuế, tăng cường

các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý thuế, đổi mới cơ cấu tổ chức ngành thuế cho phù hợp, đổi mới cải cách thủ tục hành chính... Trong điều kiện nền kinh tế phát triển, diện đối tượng cần quản lý khá rộng, lại đặt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc nâng cao khả năng quản lý thuế phụ thuộc rất lớn vào công nghệ thông tin với những phần mềm quản lý hiện đại. Song hiện tại hệ thống thông tin vẫn chưa đáp ứng được một khâu toàn diện trong các khâu quản lý nhà nước còn chưa được thực hiện hoàn chỉnh.

- *Yếu tố tâm lý*

✓ *Tâm lý và lợi ích cá nhân*

Vì hành vi của con người được hình thành từ những động cơ mang tính chủ quan, trong quá trình thực thi pháp luật bên cạnh những lợi ích không thể không tính đến mức độ hiểu biết pháp luật, các nhu cầu, nguyện vọng mục đích của chủ thể. Nhân mạnh yếu tố chủ quan Resetov cho rằng: “Cần phải làm sao để mỗi công dân nhận thức được một cách rõ ràng cách thức và biện pháp thực thi các quyền của mình, biết vận dụng chúng và hiểu được mối quan hệ không tác rời của quyền và nghĩa vụ. Đây là một kênh cần thiết để củng cố sự thống nhất của các quyền lợi nhà nước với lợi ích của cá nhân đồng thời cũng nhằm hoàn thiện quá trình thực thi pháp luật”.

✓ *Nhận thức cá nhân và sự trợ giúp*

Nhận thức pháp luật được hình thành bởi mức độ nắm bắt và khả năng phân tích thông tin pháp luật – điều mà không phải ai cũng được trang bị đầy đủ. Đó chính là kiến thức pháp luật, sự am hiểu các thuật ngữ, các phương pháp giải thích, phương pháp logic chuyên ngành... Thực thi pháp luật phụ thuộc rất nhiều vào trình độ văn hoá pháp lý của mỗi công dân, nghĩa là phụ thuộc vào mức độ được thông tin trong lĩnh vực pháp luật. Lẽ dĩ nhiên những hiểu biết của cá nhân và các quyền và nghĩa vụ của mình đóng một vai trò

quan trọng trong quá trình thực thi pháp luật. Tuy nhiên không phải lúc nào chúng ta cũng hiểu một cách chính xác từng câu, từng chữ được thể hiện trong văn bản. Bên cạnh đó, những lập luận của những người không có khả năng chuyên môn giải thích pháp luật cũng có thể dẫn đến những điều không hợp pháp.

“Trong thực tế, có rất nhiều các quy phạm pháp luật được đón nhận một cách tự nhiên thông qua giáo dục, đặc biệt là những quy phạm trùng hợp với các quy phạm đạo đức. Có những quy phạm thì người tự tìm hiểu bằng chính hiểu biết của mình. Nhưng có những quy định của pháp luật, để hiểu được cần có sự giúp đỡ của các chuyên gia pháp lý”. Tuy nhiên, để phát triển tình cảm pháp chế, ngoài việc có môi trường thuận lợi, công dân cần phải được tiếp cận với pháp luật của nhà nước. Thật khó trông đợi sao sự tuân thủ pháp luật chỉ theo thói quen và sự tôn trọng, khi một người không hề được biết đến những quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của mình.

✓ *Mục tiêu đồng thuận với mục đích cá nhân*

Một trong những điều kiện bảo đảm cho thực thi pháp luật có kết quả là sự đồng thuận giữa các mục tiêu đặt ra của văn bản và định hướng trong quá trình thực thi. Khi xây dựng các quy phạm pháp luật, nhà làm luật luôn mong sao cho các quy định đó được thực thi một cách tự nguyện. Vì vậy, điều quan trọng là mục tiêu của luật phải hoà nhập được với mục đích của các chủ thể với sự khác biệt thấp nhất. Nếu không, các kết quả thu được của quá trình thực thi pháp luật sẽ xa rời với những dự kiến ban đầu của nhà làm luật.

- *Mức đồng bộ và hoàn thiện của hệ thống pháp luật nước ta*

Tính đồng bộ giữa các quy phạm pháp luật trong các văn bản pháp luật khác nhau sẽ là cơ sở quan trọng cho việc xây dựng pháp luật thuế được thuận lợi và có tính đồng bộ cao. Trong những năm quan thuế đã đạt được nhiều kết quả trong việc thực hiện cải cách, nhưng với mục tiêu đặt ra trong cải cách là

nâng cao trình độ quản lý thuế đặc biệt ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực thì chúng ta còn chưa làm được. Sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật có vai trò chủ chốt đối với việc thực thi pháp luật thuế. Nếu hệ thống pháp luật thuế đặc biệt phù hợp với điều kiện hoàn cảnh đất nước cũng như mục đích chung của cá nhân thì pháp luật thuế sẽ được đảm bảo thực thi trên thực tế. Ngược lại nếu pháp luật có nhiều lỗ hổng lớn tạo điều kiện thuận lợi cho hành vi trốn thuế diễn ra.

1.2.4. Tầm quan trọng của pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh

- Khơi dậy tiềm năng kinh tế của hộ kinh doanh

Trước đây, các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp mà trước đây còn gọi là các hộ tiểu thương, tiểu thủ công nghiệp... vẫn chưa được quan tâm một cách đầy đủ. Tuy môi trường pháp lý kinh doanh đối với khu vực kinh tế cá thể đó được thay đổi rất nhiều, khuyến khích phát triển khu vực kinh tế cá thể, hộ gia đình này càng mạnh mẽ. Về chính sách thuế đối với kinh tế cá thể thì rất bất cập, từ trước đến nay Nhà nước ta chủ trương ưu tiên phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản nên kinh tế trang trại do các tiểu chủ đầu tư vào lĩnh vực này đó được quan tâm đúng mực, sau khi bỏ thuế nông nghiệp thì bộ phận kinh tế tiểu chủ đầu tư trang trại được hưởng chính sách miễn thuế, nhưng với kinh tế cá thể (hộ kinh doanh) thì không được hưởng bất kỳ ưu đãi nào. Quy định về thuế thu nhập, thuế môn bài, giá trị gia tăng còn phức tạp không phù hợp với trình độ của các hộ kinh doanh cá thể. Do vậy, thời gian gần đây, những luật thuế mới ban hành đối với hộ kinh doanh đã tạo những dấu hiệu tích cực, thủ tục nộp thuế, cách tính thuế đơn giản hơn tạo điều kiện cho hộ kinh doanh phát triển vượt bậc.

- Chống thu nhập ngầm và các hoạt động kinh doanh bất hợp pháp trong hộ kinh doanh.

Tính “ngầm” là đặc trưng khá phổ biến của nền kinh tế nước ta nói chung và của kinh tế tư nhân VN nói riêng. Diện mạo kinh tế ngầm khá đa dạng:

+ Những hộ kinh doanh nhỏ, thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh theo qui định của Pháp luật

+ Các hộ kinh doanh cá thể không đăng ký kinh doanh. Số này chiếm khá lớn, có ước tính đến hơn một nửa số hộ kinh doanh cá thể hiện nay không đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật. Taxi “dù”, xe khách “dù” là trường hợp điển hình của loại này

+ Có đăng ký kinh doanh, nhưng hoạt động kinh doanh không đúng theo qui định của pháp luật. Loại này cũng có nhiều dạng như: (1) kinh doanh các ngành, nghề ngoài ngành, nghề đăng ký kinh doanh; (2) không ghi chép và báo cáo tất cả các hoạt động kinh doanh, giấu doanh thu, lợi tức; (3) có thuê lao động nhưng không hợp đồng lao động, không đăng ký lao động; (4) kinh doanh các ngành, nghề phải có giấy phép mà không xin phép...

+ Kinh doanh các ngành, nghề tư nhân không được quyền kinh doanh

Kinh doanh ngầm với qui mô lớn và phổ biến làm cho các doanh nhân không dám lên tiếng phản đối, tố cáo công chức nhà nước vi phạm luật pháp; không dám phờ bình, phản đối chính sách bất hợp lý, lỗi làm việc thiếu trách nhiệm, thậm chí phi pháp của công chức nhà nước. Điều đó đến lượt nó tiếp tục dung túng, nuôi dưỡng ý thức “nhờn” luật pháp, coi thường luật pháp, coi thường kỷ cương phép nước từ cả hai phía cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.

Cái sự ngầm còn do thuế. Thật ra thuế suất các loại ở nước ta không cao hơn nhiều so với nhiều nước khác, nhưng mức thuế thực tế phải nộp thì thường rất cao, và người nộp thuế không dự tính được số thuế thực tế phải nộp. Trên thực tế, cán bộ thuế quyết định các khoản chi, mức chi hợp lý, hợp lệ và cả giỏ tính thuế để khấu trừ mức thu nhập chịu thuế. Trong không ít các

trường hợp cán bộ thuế ấn định mức thuế các loại phải nộp ngay từ đầu kỳ và cuối kỳ chỉ làm các thủ tục giấy tờ “hợp thức hóa” số thuế đó nộp mà thu.

Do vậy, pháp luật thuế về hộ kinh doanh phải hoàn thiện để hạn chế tình trạng thu nhập ngầm và hoạt động kinh doanh trái phép.

- *Góp phần điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư.*

Các cơ sở kinh doanh cá thể, tiểu chủ tham gia hoạt động ở hầu hết các ngành kinh tế quốc dân như: ngành sản xuất – dịch vụ truyền thống và cả lĩnh vực kinh doanh mới trong nền kinh tế thị trường. Các cơ sở có mặt trên mọi vùng kinh tế, các khu vực nông thôn và thành thị... Nếu chính sách thuế có sự thay đổi phù hợp thì chắc chắn có ý nghĩa lớn trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xoá đói giảm nghèo và tác động phát triển nhiều mặt xã hội khác.

Kết luận Chương 1

Thuế đối với hộ kinh doanh là nguồn thu thuế đặc thù của nền kinh tế Việt Nam bởi hình thức kinh doanh hộ kinh doanh (hộ gia đình). Tuy nguồn thu thuế từ hộ kinh doanh không cao so với các nguồn khác nhưng với tính chất nhỏ lẻ của nó, so với các hình thức kinh doanh khác, hộ kinh doanh chiếm một số lượng rất lớn. Do vậy, pháp luật cần phải điều chỉnh về thuế đối với hộ kinh doanh, không chỉ vì nguồn thu thuế cho ngân sách quốc gia mà còn ảnh hưởng tới quá trình quản lý kinh tế vĩ mô. Pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh phụ thuộc vào nhiều nhân tố khác nhau từ các nhân tố mang tính xây dựng hình thành luật như chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cho đến các các yếu tố tác động như kinh tế, xã hội, tâm lý và cả quá trình vận hành đồng bộ ở các cấp trung ương và cơ sở. Pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh được hình thành, tồn tại và phát triển là yếu tố tất yếu và cần thiết đối với công cuộc xây dựng đất nước của Đảng và Nhà nước ta.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Thực trạng quy định pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh ở Việt Nam

2.1.1. Thuế môn bài

Thuế môn bài là một sắc thuế trực thu và thường là định ngạch đánh vào giấy phép kinh doanh (môn bài) của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh. Khởi điểm của sắc thuế này ngày xưa gọi là thuế công thương và được đổi tên gọi là thuế môn bài từ năm 1996.

Kể từ khi ra đời từ Nghị định số 52/CP ngày 09 tháng 9 năm 1996 của Chính phủ đến nay, pháp luật về thuế môn bài đã thay đổi 2 lần. Lần đầu là theo nghị định của chính phủ số 75/2002/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2002 và lần gần đây nhất là nghị định 139/2016/NĐ-CP ban hành ngày 04 tháng 10 năm 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo nghị định 75/2002/NĐ-CP, thuế môn bài được quy định khá chung chung, kèm theo các thông tư hướng dẫn. Nhưng với nghị định mới nhất là nghị định 139/2016/NĐ-CP, thuế môn bài đã được quy định rõ ràng, trong những đối tượng cụ thể. Theo nghị định này, thuế môn bài cũng được đổi thành là Lệ phí môn bài. Tuy nhiên, về bản chất nó vẫn là một loại thuế. Vì vậy, tôi vẫn xem như Lệ phí môn bài là một loại thuế trong hệ thống thuế đối với hộ kinh doanh và dùng từ “Lệ phí môn bài” và “Thuế môn bài” có nghĩa tương đương nhau. [7; tr.5]

Theo nghị định 139/2016/NĐ-CP ban hành ngày 04 tháng 10 năm 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, thuế môn bài đối với hộ kinh doanh được quy định như sau: [6]

Miễn thuế: Hộ kinh doanh được miễn thuế bao gồm:

- ✓ Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh

có doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống.

✓ Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh không thường xuyên; không có địa điểm cố định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

✓ Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình sản xuất muối.

✓ Tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá.

Mức thu lệ phí môn bài đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình (sau đây gọi tắt là hộ kinh doanh):

✓ Hộ kinh doanh có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm: 1.000.000 đồng/năm;

✓ Hộ kinh doanh có doanh thu trên 300 đến 500 triệu đồng/năm: 500.000 đồng/năm;

✓ Hộ kinh doanh có doanh thu trên 100 đến 300 triệu đồng/năm: 300.000 đồng/năm.

Hộ kinh doanh sản xuất, kinh doanh hoặc mới thành lập, được cấp đăng ký thuế và mã số thuế, mã số doanh nghiệp trong thời gian của 6 tháng đầu năm thì nộp mức lệ phí môn bài cả năm; nếu thành lập, được cấp đăng ký thuế và mã số thuế, mã số doanh nghiệp trong thời gian 6 tháng cuối năm thì nộp 50% mức lệ phí môn bài cả năm. Hộ kinh doanh sản xuất, kinh doanh nhưng không kê khai lệ phí môn bài thì phải nộp mức lệ phí môn bài cả năm, không phân biệt thời điểm phát hiện là của 6 tháng đầu năm hay 6 tháng cuối năm. Hộ kinh doanh có thay đổi doanh thu thì căn cứ để xác định mức thu lệ phí môn bài là doanh thu của năm trước liền kề năm tính lệ phí môn bài.

Thủ tục khai và nộp lệ phí môn bài:

1. Khai lệ phí môn bài được thực hiện như sau:

a) Khai lệ phí môn bài một lần khi người nộp lệ phí mới ra hoạt động

kinh doanh, chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh;

b) Trường hợp người nộp lệ phí mới thành lập cơ sở kinh doanh nhưng chưa hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải khai lệ phí môn bài trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đăng ký thuế.

2. Hồ sơ khai lệ phí môn bài là Tờ khai lệ phí môn bài theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Người nộp lệ phí môn bài nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

a) Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) kinh doanh ở cùng địa phương cấp tỉnh thì người nộp lệ phí thực hiện nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài của các đơn vị phụ thuộc đó cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của người nộp lệ phí;

b) Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) kinh doanh ở khác địa phương cấp tỉnh nơi người nộp lệ phí có trụ sở chính thì đơn vị phụ thuộc thực hiện nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài của đơn vị phụ thuộc cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc.

4. Thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30 tháng 01 hàng năm. Trường hợp người nộp lệ phí mới ra hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc mới thành lập cơ sở sản xuất kinh doanh thì thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai lệ phí.

5. Lệ phí môn bài thu được phải nộp 100% vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Thuế GTGT là loại thuế gián thu được tính trên phần giá tăng thêm của

hàng hóa, dịch vụ chịu thuế. Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam. [22]

❖ Văn bản điều chỉnh gồm:

✓ Luật thuế giá trị gia tăng 13/2008/QH12 ban hành ngày 03 tháng 06 năm 2008.

✓ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013.

✓ Nghị định 13/VBHN- BTC ban hành ngày 26/5/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế GTGT.

✓ Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015, hướng dẫn về thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh.

❖ Nội dung Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hộ gia đình.

Theo Thông tư 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngày 20-11-2015 các hộ kinh doanh cá thể phải kê khai việc sử dụng hóa đơn để áp mức thuế khoán. Theo đó, ngoài thuế khoán như trước đây, hộ kinh doanh cá thể phải nộp thêm khoản thuế khi sử dụng hóa đơn trực tiếp. Theo quy định tại Thông tư 92/2015/TT-BTC cá nhân kinh doanh nếu có thu nhập dưới 100 triệu đồng/năm thì được miễn cả thuế GTGT và thuế TNCN.

Trường hợp có thu nhập từ 100 triệu trở lên thì phải khai nộp thuế GTGT như sau:

Hộ, cá nhân kinh doanh khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải sử dụng hóa đơn bán hàng khi bán hàng và cung cấp dịch vụ.

=> Phải làm báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn nếu đã mua hóa đơn bán hàng của cơ quan thuế.

Đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn.

Trường hợp cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn quyền

=> Phải làm báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn nếu đã mua hóa đơn bán hàng của cơ quan thuế.

Trường hợp cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế bán lẻ theo từng số.

Căn cứ tính thuế áp dụng theo quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC

Căn cứ tính thuế đối với cá nhân nộp thuế khoán là doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu.

Công thức:

Số thuế GTGT phải nộp = Doanh thu tính thuế GTGT x Tỷ lệ thuế GTGT

Trong đó:

Doanh thu tính thuế GTGT: Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

Theo tỷ lệ GTGT /doanh thu lần lượt như sau: Phân phối, cung cấp hàng hóa (1% thuế GTGT, 0,5% thuế TNCN); Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu (5% và 2%); Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu (3% và 1,5%); hoạt động kinh doanh khác (2% và 1%).

2.1.3. Thuế xuất, nhập khẩu

Thuế xuất khẩu, nhập khẩu là loại thuế gián thu, thu vào các mặt hàng được phép xuất, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam.

❖ Văn bản pháp luật điều chỉnh:

✓ Thông tư 04/2014/TT-BCT Quy định chi tiết thi hành một số điều của

Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

✓ Thông tư 38/2015/TT-BTC Quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

✓ Nghị định 08/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

✓ Quyết định 3125/QĐ-TCHQ về việc ban hành Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại

Thuế xuất nhập khẩu áp dụng khi doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế.

2.1.4. Thuế thu nhập cá nhân

✓ Hộ kinh doanh là đối tượng phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

✓ Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các nhân viên của mình theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân. Trong đó:

Thuế thu nhập cá nhân là: khoản tiền mà người có thu nhập phải trích nộp một phần tiền lương hoặc từ các nguồn thu nhập khác theo quy định của pháp luật vào ngân sách nhà nước. Đây là loại thuế trực thu đánh vào thu nhập chính đáng của từng cá nhân. Do là thuế trực thu nên nó phản ánh sự đồng nhất giữa đối tượng nộp thuế theo luật và đối tượng chịu thuế theo ý nghĩa kinh tế. Người chịu thuế thu nhập cá nhân không có khả năng chuyển giao gánh nặng thuế khoá sang cho các đối tượng khác tại thời điểm đánh thuế.

❖ Văn bản điều chỉnh gồm:

✓ Luật thuế thu nhập cá nhân 2007 và các văn bản sửa đổi luật.

✓ Thông tư 92/2015/TT-BTC về hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có hoạt động kinh doanh.

✓ Nghị định 12/2015/Nđ-CP, ngày 12 tháng 02 năm 2015, quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế.

Đối với hộ kinh doanh:

Theo quy định tại Thông tư 92/2015/TT-BTC cá nhân kinh doanh nếu có thu nhập dưới 100 triệu đồng/năm thì được miễn cả thuế GTGT và thuế TNCN. Trường hợp có thu nhập từ 100 triệu trở lên thì phải khai nộp thuế GTGT và thuế TNCN.

Các khoản thu nhập được miễn thuế gồm: Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế thông thường chưa chế biến thành sản phẩm khác.” Theo quy định tại Thông tư 111/2013/TT-BTC

Thuế suất đối với thu nhập từ kinh doanh đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh như sau:

a) Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,5%.

b) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 2%.

Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, bán hàng đa cấp: 5%.

c) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%.

d) Hoạt động kinh doanh khác: 1%.”

Lưu ý:

+ Nếu hộ cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ thì phải nộp thuế theo phương pháp

khoán. Căn cứ vào tài liệu khai thuế của hộ nộp thuế khoán về doanh thu, thu nhập, sản lượng, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, kết quả điều tra doanh thu thực tế, cơ quan thuế xác định doanh thu và mức thuế khoán.

+ Nếu hộ cá nhân kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán hóa đơn, chứng từ thì doanh thu được xác định theo quy định của pháp luật và tính thuế trên doanh thu thực tế.

2.1.5. Thuế tài nguyên

Hộ kinh doanh khai thác tài nguyên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên. Theo đó: Thuế tài nguyên là loại thuế gián thu, đánh vào sản phẩm khai thác chịu thuế là các tài nguyên thiên nhiên trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam, như: Khoáng sản kim loại; Khoáng sản không kim loại; Dầu thô; Khí thiên, khí than; Sản phẩm của rừng tự nhiên, trừ động vật; Hải sản tự nhiên, bao gồm động vật và thực vật biển; Nước thiên nhiên, bao gồm nước mặt và nước dưới đất; Yên sào thiên nhiên và Tài nguyên khác do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

❖ Các văn bản điều chỉnh gồm:

✓ Luật thuế tài nguyên năm 2009.

✓ Luật số 71/2014/QH13 luật sửa đổi bổ sung một số điều của các luật về thuế.

✓ Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 quy định về biểu mức thuế xuất thuế tài nguyên.

✓ Thông tư 152 /2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên, Nghị quyết này sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 tới đây.

Căn cứ tính thuế tài nguyên là sản lượng tài nguyên tính thuế, giá tính thuế tài nguyên, thuế suất thuế tài nguyên.

Xác định thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ

Thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ = Sản lượng tài nguyên tính thuế x
Giá tính thuế đơn vị tài nguyên x Thuế suất thuế tài nguyên

Trường hợp được cơ quan nhà nước ấn định mức thuế tài nguyên phải nộp trên một đơn vị tài nguyên khai thác thì số thuế tài nguyên phải nộp được xác định như sau:

Thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ = Sản lượng tài nguyên tính thuế x
Mức thuế tài nguyên ấn định trên một đơn vị tài nguyên khai thác

Việc ấn định thuế tài nguyên được thực hiện căn cứ vào cơ sở dữ liệu của cơ quan Thuế, phù hợp với các quy định về ấn định thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên: Mức thuế suất hiện hành được áp dụng căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 quy định về biểu mức thuế xuất thuế tài nguyên.

Tuy nhiên chú ý:

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 trở đi, biểu mức thuế suất tài nguyên được quy định trong Nghị quyết 712/2013/UBTVQH13 sẽ được thay thế bằng biểu mẫu quy định tại Nghị quyết 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015, Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, theo đó mức thuế xuất tính theo % của một số tài nguyên sẽ bị thay đổi, phần lớn theo hướng tăng lên, cụ thể thuế suất đối với nhóm khoáng sản kim loại như sau:

- Sắt: tăng từ 12% lên 14%
- Măng gan: tăng từ 11% lên 14%
- Ti-tan: tăng từ 16% lên 18%
- Vàng: tăng từ 15% lên 17%
- Đất hiếm: tăng từ 15% lên 18%
- Bạch kim, bạc, thiếc: tăng từ 10% lên 12%

- Vonphòram, ăng-ti-moan: Tăng từ 18% lên 20%
- Chì, kẽm: tăng từ 10% lên 15%
- Nhôm, Bôxít: vẫn giữ nguyên mức 12%
- Đồng: tăng từ 13% lên 15%
- Niken: vẫn giữ nguyên mức 10%
- Khoáng sản kim loại khác (bao gồm cả côban, môlipđen, thủy ngân, manhê, vanadi): tăng từ 10% lên 15%

Đồng thời, Nghị quyết 1084/2015/UBTVQH13 còn quy định mức thuế suất tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại; sản phẩm của rừng tự nhiên; hải sản tự nhiên; nước thiên nhiên; yến sào thiên nhiên và một số tài nguyên khác; dầu thô và khí thiên nhiên, khí than.

2.1.6. Thuế tiêu thụ đặc biệt

Cả hộ kinh doanh và doanh nghiệp nếu có sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB thì đều là đối tượng phải nộp thuế TTĐB. Thuế tiêu thụ đặc biệt là 1 loại thuế gián thu tính trên giá bán chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số mặt hàng nhất định mà doanh nghiệp sản xuất hoặc thu trên giá nhập khẩu và thuế nhập khẩu đối với 1 số mặt hàng nhập khẩu. Mục tiêu của loại thuế này là nhằm điều tiết mạnh vào các loại hàng hóa, dịch vụ cao cấp hay những sản phẩm tiêu dùng không có lợi cho sức khỏe, góp phần hướng dẫn phát triển sản xuất kinh doanh, tiêu dùng xã hội theo định hướng của Nhà nước, qua đó góp phần đảm bảo nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ này phải đóng thuế tiêu thụ đặc biệt.

VD: Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm; Rượu; Bia; Xe ô tô; Tàu bay, du thuyền; Xăng các loại; Bài lá; Vàng mã, hàng mã; Kinh doanh vũ trường; Kinh doanh mát-xa (massage),ka-ra-ô-kê (karaoke)....

❖ Văn bản pháp luật điều chỉnh gồm:

✓ Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12.

✓ Luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2014, ban hành ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

✓ Nghị định số 108/2015/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

✓ Thông tư số 195/2015/TT- BTC, hướng dẫn thi hành Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/ 10/ 2015 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

❖ Đối tượng chịu thuế:

Tại Điều 2 Thông tư số 195/2015/TT- BTC quy định thì:

“Đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008, tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 70/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

Đối với mặt hàng điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB: trường hợp cơ sở sản xuất bán hoặc cơ sở nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hoà nhiệt độ hoàn chỉnh).”

❖ Về đối tượng nộp thuế:

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 195/2015/TT- BTC thì: Người

nộp thuế

Người nộp thuế TTĐB là tổ chức, cá nhân có sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, bao gồm:

1. Các tổ chức kinh doanh được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Luật Doanh nghiệp) và Luật Hợp tác xã.

2. Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức chính trị – xã hội – nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác.

3. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nay là Luật đầu tư); các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam nhưng không thành lập pháp nhân tại Việt Nam.

4. Cá nhân, hộ gia đình, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu.

Kể từ 1/1/2016 trở đi thì Luật thuế TTĐB có điểm mới đó là:

1. Loại bỏ khỏi đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác để pha chế xăng.

2. Bổ sung vào đối tượng không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng. Mục tiêu điều tiết thuế tiêu thụ đặc biệt đối với tàu bay, du thuyền là nhằm điều tiết vào tàu bay, du thuyền cá nhân, sử dụng cho mục đích tiêu dùng cá nhân. Bởi vậy, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008 đã quy định tàu bay, du thuyền sử dụng cho vận chuyển hàng hóa, hành khách thì không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Việc bổ sung tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng vào diện không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là nhằm đảm bảo

đúng mục tiêu điều tiết của thuế tiêu thụ đặc biệt. Hơn nữa, an ninh, quốc phòng là lĩnh vực Nhà nước đảm bảo 100% ngân sách nên về kỹ thuật, việc đưa vào diện không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng giúp giảm bớt các thủ tục thu, chi ngân sách.

3. Luật hóa quy định về giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt trong trường hợp hàng hóa vừa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt vừa chịu thuế bảo vệ môi trường: Là giá bán chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường. Quy định này trước đây do chưa kịp sửa Luật nên đã hướng dẫn trong văn bản dưới luật.

4. Điều chỉnh thuế suất của một số hàng hóa, dịch vụ. Theo đó, tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của thuốc lá, rượu, bia, kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng. Ngoài ra, đối với mặt hàng xăng thì bổ sung thêm 2 mức thuế suất thấp dành cho xăng sinh học.

Giá tính thuế TTĐB:

Đối với hàng hóa nhập khẩu (trừ xăng các loại) do cơ sở kinh doanh nhập khẩu bán ra và hàng hóa sản xuất trong nước, giá tính thuế TTĐB được xác định như sau:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT - Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

Đối với hàng nhập khẩu tại khâu nhập khẩu, giá tính thuế TTĐB được xác định như sau:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \text{Giá tính thuế nhập khẩu} + \text{Thuế nhập khẩu}$$

Đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB, giá tính thuế TTĐB là giá chưa có thuế GTGT, thuế bảo vệ môi trường (nếu có), chưa có thuế TTĐB và không loại trừ giá trị vỏ bao bì.

Đối với hàng hoá gia công là giá tính thuế của hàng hoá bán ra của cơ sở gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm bán hàng chưa có thuế GTGT, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và chưa có thuế TTĐB.

Đối với hàng hoá sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hoá, công nghệ sản xuất thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá bán ra chưa có thuế GTGT và thuế bảo vệ môi trường (nếu có) của cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hoá, công nghệ sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hoá cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam.

Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm, giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế GTGT, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và chưa có thuế TTĐB của hàng hóa bán theo phương thức trả tiền một lần, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này

Đối với cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng chịu thuế TTĐB của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà bán trong nước thì giá tính thuế TTĐB trong trường hợp này là giá bán chưa có thuế TTĐB, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và chưa có thuế GTGT được xác định cụ thể như sau:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán trong nước của cơ sở xuất khẩu chưa có thuế GTGT} - \text{Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

Đối với dịch vụ, giá tính thuế TTĐB là giá cung ứng dịch vụ của cơ sở kinh doanh chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB, được xác định như sau:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá dịch vụ chưa có thuế GTGT}}{1 + \text{Thuế suất TTĐB}}$$

Thuế suất thuế TTĐB:

Điều 6 Thông tư 195/2015/TT-BTC quy định thì: “Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 70/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Điều 5 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ. Trường hợp cơ sở sản xuất nhiều loại hàng hóa và kinh doanh nhiều loại dịch vụ chịu thuế TTĐB có các mức thuế suất khác nhau thì phải kê khai nộp thuế TTĐB theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu cơ sở sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.”

2.1.7. Thuế sử dụng đất

“Doanh nghiệp, hộ kinh doanh có tài sản là quyền sử dụng đất phải đóng thuế đất đối với từng loại đất theo quy định của pháp luật đất đai.”

❖ Văn bản điều chỉnh gồm:

- ✓ Luật đất đai 2013.
- ✓ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
- ✓ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP quy định về thu tiền sử dụng đất.
- ✓ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.
- ✓ Thông tư 77/2014/TT-BTC, hướng dẫn một số điều của Nghị định

46/2014/NĐ-CP về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi

2.2.1. Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi nằm ở vùng duyên hải miền Trung, là một tỉnh được chia tách từ tỉnh Nghĩa Bình vào năm 1989, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp tỉnh Bình Định, phía Tây Nam giáp với Kon Tum bởi chi nhánh của dãy Trường Sơn, phía Đông giáp biển Đông với bờ biển dài 130 km. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là: 5.131,5 km² được phân bổ thành ba khu vực: đồng bằng - trung du, miền núi và hải đảo. Đồng bằng có diện tích đất tự nhiên 1.896,22 km², chiếm khoảng 36% diện tích đất tự nhiên của tỉnh, khu vực miền núi có diện tích đất tự nhiên là 3.225,23 km², chiếm 63,7%, hải đảo có diện tích đất tự nhiên là 9,96 km², chiếm 0,3%. Đến nay, Quảng Ngãi có 14 huyện, thành phố, trong đó có 1 thành phố, 6 huyện đồng bằng ven biển, 6 huyện miền núi và 1 huyện đảo với diện tích tự nhiên 5.152,95 km². Dân số trung bình của tỉnh năm 2013 là 1.236,25 nghìn người, mật độ dân số 240 người/km². Quảng Ngãi là tỉnh ven biển nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ, có quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt chạy qua tỉnh, có quốc lộ 24A nối Quảng Ngãi với Tây nguyên, Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan; có bờ biển dài khoảng 130 km. Phía Bắc tỉnh, tại huyện Bình Sơn có Khu kinh tế Dung Quất, với trọng tâm là công nghiệp lọc hoá dầu, là động lực phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. Thời tiết ở Quảng Ngãi có hai mùa nắng mưa rõ rệt, nhiệt độ trung bình các tháng trong năm là 25,70C, lượng mưa các tháng trong năm là: 2.504mm - 3.500mm, độ ẩm trung bình là 86%, số giờ nắng khoảng 2000 giờ/năm.

Trải qua các nhiệm kỳ đại hội, Đảng bộ tỉnh đề ra nhiều chủ trương, giải pháp toàn diện, trong đó, có những chủ trương mang tính đột phá, đã mở

đường cho kinh tế - xã hội phát triển mạnh mẽ, đưa Quảng Ngãi từ một tỉnh nghèo, thuần nông, trình độ sản xuất yếu kém, năng suất, hiệu quả thấp, trở thành tỉnh cơ bản thoát ra khỏi tình trạng kinh tế kém phát triển, GDP bình quân đầu người năm 2013 đạt 2.072 USD; cơ cấu kinh tế phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện...

Tăng trưởng kinh tế liên tục giữ mức cao, tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) năm 2013 đạt 11.275,28 tỷ đồng (giá so sánh 1994), trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1.899,89 tỷ đồng, khu vực công nghiệp – xây dựng đạt 5.984,04 tỷ đồng, khu vực dịch vụ đạt 3.391,35 tỷ đồng. So với năm 1989, GDP gấp 10,48 lần, trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản gấp 3,17 lần, công nghiệp – xây dựng gấp 40,20 lần, dịch vụ gấp 10,32 lần, bình quân cả thời kỳ từ khi tái lập tỉnh GDP tăng 10,28%/năm, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 16,64%/năm; dịch vụ tăng 10,21%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,93%/năm.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ cơ cấu nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm đến 55,68%, công nghiệp – xây dựng 16,52%, dịch vụ 27,80% vào năm 1990, đến năm 2013 cơ cấu nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ còn 15,38%, công nghiệp – xây dựng tăng lên 63,89%, dịch vụ 20,73%. Tiềm lực kinh tế tăng nhanh: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) theo giá so sánh sau 24 năm gấp 10,48 lần; kim ngạch xuất khẩu gấp 129,76 lần. Đặc biệt, tiềm lực kinh tế tăng mạnh trong giai đoạn 2009 – 2013 khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động, tổng sản phẩm trong tỉnh tăng bình quân giai đoạn này là 16,22%/năm, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 25,07%/năm; kim ngạch xuất khẩu tăng 53,57%/năm; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao, năm 2013 đạt 30.562,4 tỷ đồng, đứng thứ 4 cả nước.

2.2.2. Thực trạng khu vực hộ kinh doanh - ảnh hưởng đến thực thi pháp luật về thuế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Những năm qua, thực hiện đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần, các thành phần hộ kinh doanh đã có những bước phát triển nhất định. Theo số liệu thống kê, năm 2015 tốc độ tăng GDP khu vực hộ kinh doanh là 9.9% so với năm 2014.

Từ năm 2013, thực hiện Luật doanh nghiệp mới các hộ kinh doanh được thành lập nhiều, đến năm 2015 là hơn 40.000 hộ kinh doanh. Những hộ kinh doanh cá thể chủ yếu kinh doanh các mặt hàng dịch vụ, thủ công, mỹ nghệ,... Khu vực hộ kinh doanh cá thể đã sự tăng trưởng đáng kể, hàng chục nghìn hộ kinh doanh trong các ngành nghề truyền thống nay có điều kiện phục hồi và phát triển như: đồ mộc, mây tre đan, sành sứ...

Các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể thời gian qua đã có những bước chuyển biến, góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế ở địa phương. Biểu hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, có sự tăng trưởng nhanh về số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh.

Bảng 2.1. Sự phát triển của hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2013 - 2015

Năm	2013	2014	2015
Hộ kinh doanh cá thể	44.301	45.270	45.131

Thứ hai, phát triển theo lợi thế.

Bảng 2.2. Phân bố cơ sở sản xuất kinh doanh hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo ngành nghề hoạt động ở năm 2015

Loại hình	Công nghiệp, khai thác, chế biến lâm, hải sản, thủ công mỹ nghệ	Thương mại	Dịch vụ
Hộ kinh doanh cá thể	5,510	22,069	17,551

Thứ ba, quy mô vốn đầu tư tăng nhanh: hiện chưa có thống kê về quy mô vốn đầu tư của hộ kinh doanh cá thể ở Quảng Ngãi, tuy nhiên với sự tăng nhanh về số lượng các hộ kinh doanh cá thể thì có thể thấy tổng số vốn đầu tư tăng rất nhanh. Mặc dù sự gia tăng về vốn theo thực tế kinh doanh ở mức đáng kể, nhưng so với điều kiện kinh doanh hiện nay thì lượng vốn còn quá thấp, chưa đủ để đầu tư mở rộng, mua sắm trang thiết bị hiện đại,... do đó hầu hết các cơ sở kinh doanh cá thể đều có trình độ lạc hậu và trung bình thấp trên tất cả các mặt. Vì vậy, số thuế thu được hàng tháng, hàng năm không nhiều. Cụ thể: Hộ kinh doanh cá thể số thu bình quân tháng: tháng 12/2013: 167.000đ/hộ; tháng 3/2014: 182.000đ/hộ; tháng 6/2014: 186.000đ/hộ.

Thứ tư, lao động phổ biến trình độ thấp: trình độ chuyên môn hầu hết đều ở dạng lao động phổ thông, chưa qua đào tạo, số lao động có trình độ chuyên môn chỉ đạt tỷ lệ 12%.

Thứ năm, trình độ quản lý thấp nhiều hạn chế: nhìn chung các chủ hộ kinh doanh đều sử dụng kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhiều chủ hộ chưa qua đào tạo.

Thứ sáu, năng lực cạnh tranh yếu, kém, hạn chế, sản phẩm sản xuất chủ yếu tiêu thụ tại địa phương; các hộ kinh doanh chủ yếu hoạt động ở lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

Do vậy, nên tỷ trọng thu thuế hộ kinh doanh trong tổng số thu ngân sách tỉnh Quảng Ngãi trong những năm qua còn thấp, dấu rằng tỷ trọng hàng năm đều tăng. Cụ thể:

Bảng 2.3. Quy mô và tỷ trọng thu thuế hộ kinh doanh trong NSNN tỉnh Quảng Ngãi (ngân sách đã trừ phần thu ngân sách của nhà máy lọc dầu Dung Quất)

Năm	Tổng thuế hộ gia đình (tỉ đồng)	Tổng thu ngân sách (tỉ đồng)	Tỷ lệ % so sánh
2013	153.45	2708	5.67%
2014	183.97	3121	5.89%
2015	204.075	3433	5.94%

Song bên cạnh sự tích cực đó, do hình thành trên nền tảng là sản xuất nhỏ, nên kinh nghiệm và trình độ quản lý của cơ sở kinh doanh còn thấp, tư tưởng ngại bỏ vốn đầu tư, sợ công khai vốn, nặng tư tưởng thu lợi cho cá nhân, nên đã bộc lộ nhiều nhược điểm trong hoạt động như:

+ Ý thức thực hiện nghĩa vụ thuế chưa cao.

+ Trình độ quản lý thấp, chưa thực sự xem việc thực hiện chế độ sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ là công cụ để quản lý trong kinh doanh, đã dẫn đến nhiều trường hợp vi phạm với mục đích trốn thuế thông qua những biểu hiện: không chấp hành chế độ sổ sách kế toán, chứng từ hóa đơn; lợi dụng hóa đơn để gian lận trốn thuế...

Trước thực trạng trên Cục thuế tỉnh đã chủ động triển khai những biện pháp tích cực, sát hợp trong từng nội dung, từng lĩnh vực, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các ngành để quản lý đạt hiệu quả; mặt khác đã kịp thời chỉ đạo cho các đơn vị trong ngành thực hiện nghiêm túc các quy trình nghiệp vụ của ngành nên đã khắc phục một bước tình trạng thất thu thuế, góp phần tăng thu ngân sách.

Trong những năm qua để thực hiện pháp luật thuế khu vực hộ kinh doanh đạt hiệu quả cao, Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành nhiều văn bản và thiết chặt quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh. Trong quy trình quản lý, việc thiết kế chương trình phần mềm quản lý thuế về phạt nộp chậm, phạt hành chính về chậm nộp tờ khai mang ý nghĩa rất quan trọng, đưa dần các hộ kinh doanh công thương nghiệp, dịch vụ vào nề nếp thực hiện nghĩa vụ với NSNN. Do đó, tình hình nộp thuế của các cơ sở ở khu vực hộ kinh doanh trong thời gian qua đã có nhiều tiến bộ.

2.2.3. Thực trạng pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong những năm 2013 – 2015

Thực hiện pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh trên cả nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng là một công việc phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức của cán bộ thực thi pháp luật về thuế cũng như các cơ quan chức năng. Hơn nữa, trong thời gian qua từ 2013-2015 hình thức quản lý đối tượng nộp thuế, thu thuế có các biến động lớn về chính sách pháp luật, sự thay đổi trong pháp luật thuế áp dụng đối với hộ kinh doanh; đồng thời sự gia tăng, thay đổi đối tượng nộp thuế thường không đồng đều ở các năm. Vì vậy, trong phần thực trạng sẽ phân tích, đánh giá theo từng năm. Cụ thể:

❖ Năm 2013:

Bảng 2.4. Kết quả thu thuế hộ kinh doanh năm 2013 - Phân theo sắc thuế

DVT: tỉ đồng

Chỉ tiêu	T.hiện	Dự toán	T.hiện	% so sánh thực hiện 2013	
	2012	2013	2013	Thực hiện 2012	Dự toán 2013
Thuế môn bài	11.023	11.365	11.559	104,86%	101,71%
Thuế TTĐB	2.917	2.987	3.04	104,22%	101,77%
Thuế GTGT (D.Thu)	74.653	77.315	78.29	104,87%	101,26%

Chỉ tiêu	T.hiện	Dự toán	T.hiện	% so sánh thực hiện 2013	
	2012	2013	2013	Thực hiện 2012	Dự toán 2013
Trong đó:					
Thuế doanh thu thu nợ	10.694	10.95	11.79	110,25%	107,67%
Thuế TNCN	52.369	53.269	56.626	108,13%	106,30%
Thuế tài nguyên	2.696	2.897	2.891	107,23%	99,79%
Thu khác	0.698	0.769	1.044	149,57%	135,76%
Tổng cộng	144.356	148.602	153.45	106.30%	103.26%

Bảng 2.5. Kết quả thu thuế năm 2013 - phân theo đơn vị thu

DVT: tỉ đồng

TT	Đơn vị	Dự toán 2013	Thực hiện 2013	% so Dự toán 2013
1	TP Quảng Ngãi	54.596	54.952	100.65%
2	Huyện Bình sơn	15.351	13.032	84.90%
3	Huyện Sơn Tịnh	12.364	10.497	84.90%
4	Huyện Tư Nghĩa	13.924	11.864	85.20%
5	Huyện Nghĩa Hành	4.934	5.299	107.40%
6	Huyện Mộ Đức	9.392	9.467	100.80%
7	Huyện Đức Phổ	14.830	14.252	96.10%
8	Huyện Ba Tơ	3.997	2.774	69.41%
9	Huyện Minh Long	2.066	1.190	57.60%
10	Huyện Sơn Hà	4.072	4.023	98.80%
11	Huyện Trà Bồng	3.195	2.399	75.10%
12	Huyện Lý Sơn	7.475	6.533	87.40%
13	Huyện Sơn Tây	1.516	1.549	102.21%
14	Huyện Tây Trà	0.892	0.832	93.33%

Bảng 2.6. Tình hình thực hiện pháp luật thuế của các hộ kinh doanh

	Năm 2013
Số hộ được miễn thuế	3047
Số hộ vi phạm thuế môn bài	213
Số hộ vi phạm thuế GTGT	129
Số hộ vi phạm thuế TNCN	195
Số hộ vi phạm thuế TTDB	37
Các vi phạm khác	24

Qua số liệu trên ta nhận thấy, tổng số thu năm 2013 trong khu vực hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã tăng 3.26% so với dự toán, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2012. Điều này chứng tỏ năm 2013 Cục thuế Quảng Ngãi và các cơ quan ban ngành đã hoàn thành kế hoạch được giao. Đạt được kết quả trên chủ yếu nhờ vào các chuyển biến chủ yếu sau:

Thứ nhất, số lượng các hộ kinh doanh có sự tăng trưởng, hầu hết các loại thuế thu đối với hộ kinh doanh đều có sự tăng trưởng nhờ vào sự phát triển kinh tế chung của cả tỉnh.

Thứ hai, công tác quản lý, giám sát thu thuế của các đơn vị cục thuế, chi cục thuế được tăng cường.

Thứ ba, việc thực hiện chế độ sổ sách kế toán, chứng từ hóa đơn của các cơ sở đã được chú trọng và được quản lý chặt chẽ hơn so với năm 2012 nên giảm bớt hiện tượng thất thu về doanh số và thuế GTGT.

Kết quả quá trình thực thi pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh:

Quản lý về số hộ: số hộ thực hiện pháp luật thuế GTGT và TNCN 40.301 hộ so với năm 2012 tăng về số hộ quản lý 1.2%. Trong năm Cục thuế đã chỉ đạo thực hiện miễn, giảm thuế đối với những hộ kinh doanh có thu nhập thấp, đồng thời khai thác những hộ kinh doanh trốn thuế, mới phát sinh.

Cho nên tỷ lệ tăng về số hộ trong năm 2013 không nhiều so với năm trước với tỷ lệ tăng là 1.2%, tương ứng số hộ tăng 152.

Quản lý doanh thu: Doanh thu tính thuế GTGT bình quân tháng trong năm 93.328 triệu đồng, tăng so với năm 2012 là 18%. Như vậy qua thực hiện các Luật thuế mới thì doanh thu tính thuế tăng so với 2012, tương đối sát với thực tế doanh thu kinh doanh. Tuy nhiên số thuế tăng lên không đáng kể do tỷ lệ động viên về thuế GTGT trên doanh số nhỏ hơn thuế Doanh thu cũ ở hầu hết các mặt hàng, ngành nghề.

Triển khai chế độ kế toán hộ kinh doanh: tính đến 31/12/2013 toàn tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai được 5.022 hộ kinh doanh thực hiện chế độ kế toán. Trong đó có hơn 600 hộ đã thực hiện tốt việc ghi chép trên sổ sách kế toán, chứng từ hóa đơn và nộp thuế theo kê khai. Số còn lại chưa thực hiện tốt việc ghi chép và vẫn nộp thuế theo phương pháp ấn định.

❖ Năm 2014:

Bảng 2.7. Kết quả thu ngân sách năm 2014 - phân theo sắc thuế

DVT: tỉ đồng

Chi tiêu	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện	% so sánh năm 2014	
	2013	2014	2014	2013	Dự toán 2014
Thuế môn bài	11.559	13.274	13.563	117,34%	102,18%
Thuế TTĐB	3.04	3.98	4.85	159,54%	121,86%
Thuế GTGT (D.Thu)	78.29	87.36	89.74	114.63%	102,72%
Trong đó: Thuế doanh thu thu nợ	11.79	12.36	12.11	102,71%	97,98%
Thuế TNCN	56.626	65.49	69.18	122,17%	105,63%
Thuế tài nguyên	2.891	3.963	4.879	168,77%	123,11%
Thu khác	1.044	1.368	1.758	168,39%	128,51%
Tổng cộng	153.45	175.435	183.97	119,89%	104,87%

Bảng 2.8. Kết quả thu ngân sách năm 2014 - phân theo đơn vị thu

DVT: tỉ đồng

TT	Đơn vị	Dự toán 2014	Thực hiện 2014	% so Dự toán 2014
1	TP Quảng Ngãi	73.794	73.712	99,89%
2	Huyện Bình Sơn	21.387	21.407	100,10%
3	Huyện Sơn Tịnh	15.612	15.020	96,21%
4	Huyện Tư Nghĩa	18.428	18.673	101,33%
5	Huyện Nghĩa Hành	7.326	7.041	96,10%
6	Huyện Mộ Đức	12.285	12.530	101,99%
7	Huyện Đức Phổ	19.673	19.408	98,65%
8	Huyện Ba Tơ	4.816	4.612	95,76%
9	Huyện Minh Long	4.165	4.204	100,93%
10	Huyện Sơn Hà	5.326	5.081	95,40%
11	Huyện Trà Bồng	5.265	5.184	98,45%
12	Huyện Lý Sơn	12.877	14.306	111,09%
13	Huyện Sơn Tây	2.286	2.224	97,32%
14	Huyện Tây Trà	0.835	0.673	80,68%

Bảng 2.9. Tình hình thực hiện pháp luật thuế của hộ kinh doanh năm 2014

	Năm 2014
Số hộ được miễn thuế	3161
Số hộ vi phạm thuế môn bài	186
Số hộ vi phạm thuế GTGT	137
Số hộ vi phạm thuế TNCN	164
Số hộ vi phạm thuế TTDB	52
Các vi phạm khác	34

Đối với công tác thực hiện pháp luật thuế khu vực hộ kinh doanh năm 2014 chúng ta nhận thấy rằng tất cả các sắc thuế ở khu vực kinh tế này đều đạt và vượt chỉ tiêu đã đề ra. Để đạt được kết quả nêu trên, quản lý tốt nguồn thu phát sinh trên địa bàn, toàn ngành thuế đã tập trung chỉ đạo công tác xây dựng và giao dự toán thu sát với thực tế, bảo đảm bao quát hết nguồn thu, hoàn thiện quy trình tách ba bộ phận trong thực hiện pháp luật thuế để thực hiện tốt việc quản lý đối tượng nộp thuế, kiểm tra đơn đốc và thu nộp kịp thời mọi nguồn thu trên từng địa bàn, đảm bảo vừa thực hiện tốt các Luật thuế vừa hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh tháo gỡ kịp thời những khó khăn do thay đổi chính sách thuế.

Kết quả quá trình thực thi pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh:

+ Đối với hộ kinh doanh công thương nghiệp:

Số lượng hộ thực hiện pháp luật thuế trong năm là 45.270 hộ. Cơ quan thuế đã tranh thủ sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, phối hợp với các ngành liên quan, phát huy vai trò của Hội đồng tư vấn thuế phường, xã trong việc quản lý hộ, điều chỉnh thuế; tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu về hộ, về doanh số, thu trên khâu lưu thông, thu nợ đọng, triển khai kế toán hộ kinh doanh. Thực hiện ổn định thuế 6 tháng đến 1 năm cho hộ bậc môn bài 4, 5, 6; tăng cường kiểm tra công tác kế toán hộ. Do vậy, trong năm qua đã đạt được nhiều kết quả, tăng thu ngân sách trong đó có những huyện thực hiện tốt bước đầu là: thị xã Quảng Ngãi, Sơn Tịnh, Bình Sơn,...

Để chống thất thu, nhiều Chi cục thuế đã phân công cán bộ đến các tỉnh Kiên Giang, Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận, Quảng Ninh, Thanh Hóa... để thu thuế nghề cá các hộ ngư dân di chuyển ngư trường.

Kết quả thu năm 2014 ở khu vực hộ kinh doanh tăng 19% so với năm trước.

Cục thuế tỉnh đã thành lập ban chỉ đạo ở cấp tỉnh, cấp huyện để triển khai thực hiện chế độ kế toán hộ kinh doanh. Trong năm đã tổ chức tuyên

truyền, tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn triển khai thực hiện chế độ kế toán hộ kinh doanh cho 4.041 hộ, đạt 104% chỉ tiêu giao. Trong đó có 328 hộ nộp thuế theo kê khai với số thuế thu hàng tháng 223 triệu đồng, bao gồm: 45 hộ đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, 168 hộ đăng ký nộp thuế trực tiếp và 115 hộ nộp thuế trực tiếp trên doanh số. Số thuế thu hàng tháng bằng 115% so với mức thuế trước khi thực hiện chế độ sổ sách kế toán.

Trong số 4.041 hộ thực hiện chế độ sổ sách kế toán có: 406 hộ mở đầy đủ 5 loại sổ, 828 hộ mở 4 loại sổ, 795 hộ mở 3 loại sổ, 758 hộ mở 2 loại sổ, 1213 hộ mở một loại sổ.

Nhìn chung việc triển khai chế độ kế toán lần này có nhiều chuyển biến tốt, đã giữ được ổn định và tăng mức thuế so với trước khi mở sổ sách kế toán. Song thực trạng ở năm 2014 của cả nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng nổi lên một số vấn đề:

- + Bán hàng không sử dụng hóa đơn do người mua không lấy hóa đơn;
- + Chưa kiểm kê việc tồn kho cuối tháng theo quy định;
- + Trình độ kế toán của hộ còn thấp và hạn chế;
- + Việc ghi chép trên sổ sách kế toán còn mang tính đối phó;...

Những vấn đề nêu ra ở trên các cơ quan chức năng, ngành thuế nói chung và Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi nói riêng cần phải tiếp tục nghiên cứu để tìm ra biện pháp khắc phục nhằm hạn chế sự thất thu thuế ở khu vực này, đảm bảo sự đồng viên về thuế công bằng hợp lý ở mọi loại hình kinh doanh trong nền kinh tế quốc dân.

Năm 2015

Bảng 2.10. Kết quả thu ngân sách năm 2015 - phân theo sắc thuế

ĐVT: tỉ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện	% so sánh năm 2014	
	2014	2015	2015	2014	Dự toán 2015
Thuế môn bài	13.563	15.324	15.744	116,08%	102,74%
Thuế TTĐB	4.85	5.97	6.32	130,31%	105,86%
Thuế GTGT (D.Thu)	89.74	94.31	99.36	110,72%	105,35%
Trong đó: Thuế doanh thu thu nợ	12.11	13.16	16.49	136,17%	125,30%
Thuế TNCN	69.18	72.58	75.26	108,79%	103,69%
Thuế tài nguyên	4.879	5.834	5.464	111,99%	93,66%
Thu khác	1.758	2.561	1.927	109,61%	75,24%
Tổng cộng	183.97	196.579	204.075	110,93%	103,81%

Bảng 2.11. Kết quả thu ngân sách năm 2015 - phân theo đơn vị thu

ĐVT: tỉ đồng

TT	Đơn vị	Dự toán 2015	Thực hiện 2015	% so Dự toán 2015
1	TP Quảng Ngãi	73.753	73.875	100,17%
2	Huyện Bình Sơn	21.448	21.244	99,05%
3	Huyện Sơn Tịnh	15.244	15.387	100,94%
4	Huyện Tư Nghĩa	18.897	19.020	100,65%
5	Huyện Nghĩa Hành	7.530	7.306	97,02%
6	Huyện Mộ Đức	12.734	12.632	99,20%

TT	Đơn vị	Dự toán 2015	Thực hiện 2015	% so Dự toán 2015
7	Huyện Đức Phổ	18.795	18.999	101,09%
8	Huyện Ba Tơ	4.714	4.735	100,43%
9	Huyện Minh Long	4.204	4.265	101,46%
10	Huyện Sơn Hà	4.388	4.306	98,14%
11	Huyện Trà Bồng	4.775	4.898	102,56%
12	Huyện Lý Sơn	14.551	14.530	99,86%
13	Huyện Sơn Tây	2.347	2.204	93,91%
14	Huyện Tây Trà	0.694	0.673	97,06%

Bảng 2.12. Tình hình thực hiện pháp luật thuế của các HKD năm 2015

	Năm 2015
Số hộ được miễn thuế	3124
Số hộ vi phạm thuế môn bài	161
Số hộ vi phạm thuế GTGT	103
Số hộ vi phạm thuế TNCN	186
Số hộ vi phạm thuế TTDB	41
Các vi phạm khác	19

Kết quả quá trình thực thi pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh:

Năm 2015 kết quả thu khu vực hộ kinh doanh tăng 10.9% tương ứng với số thuế là 204 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2014; tăng 3,81% so với dự toán. Đạt được thành quả trên là do: trong năm tỉnh đã có những giải pháp khắc phục khó khăn, tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân được ổn định, kinh tế của tỉnh tăng trưởng, tập trung ở một số lĩnh vực như: sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản, thương nghiệp

dịch vụ,... Số lượng và quy mô hoạt động của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh tăng, nhiều hộ kinh doanh mới thành lập đi vào hoạt động, trong đó cũng có khá nhiều hộ kinh doanh thành lập doanh nghiệp tư nhân, nhiều doanh nghiệp tư nhân chuyển sang đăng ký loại hình Công ty.

Kết quả thu được nhờ sự nhất quán trong toàn ngành tập trung chỉ đạo ngay từ đầu năm bằng việc triển khai những biện pháp tích cực hiệu quả như: tổng kiểm kê hộ kinh doanh trong toàn tỉnh đưa thêm vào bộ thuế 740 hộ, số thuế thu được bình quân mỗi tháng do tăng hộ là 97 triệu đồng; triển khai chế độ kế toán, tích cực điều chỉnh mức thuế hộ cố định, chống thất thu thông qua kiểm tra hóa đơn chứng từ, kiểm tra chặt hộ nghỉ kinh doanh, quản lý thu tốt các ngành nghề kinh doanh xe máy, vận tải, nghề cá,... nên số thu đều tăng cao hơn so với năm 2014.

Đối với công tác kế toán hộ kinh doanh: toàn tỉnh đã triển khai được 4.326 hộ thực hiện chế độ kế toán, tăng 7.05% so với năm 2014, đạt 102% chỉ tiêu Tổng cục Thuế giao; Trong đó 1045 hộ nộp thuế theo kê khai, đạt 26%, một số Chi cục thực hiện tốt công tác này là Quảng Ngãi, Bình Sơn,... toàn ngành đã xem đây là tiền đề để thực hiện tốt các luật thuế, nên tập trung chỉ đạo và thường xuyên quan tâm đôn đốc các đơn vị, nhằm đẩy nhanh số lượng và chất lượng hộ ghi chép sổ sách kế toán. Phân công cán bộ theo dõi, hướng dẫn, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc và tăng cường xử lý vi phạm ở các hộ không chấp hành, hoặc cố tình vi phạm để trốn thuế. Nhìn chung trong năm 2015 việc triển khai chế độ kế toán hộ kinh doanh có nhiều chuyển biến tốt, số thuế tăng cao hơn so với trước khi mở sổ sách kế toán.

2.3. Thực trạng hiệu quả thi hành pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi

2.3.1. Những tồn tại

- ✓ Bên cạnh những mặt tích cực, việc thực hiện pháp luật thuế trong khu

vực hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn một số mặt tồn tại như: chưa quản lý hết đối tượng kinh doanh, doanh thu làm cơ sở tính thuế nói chung và đặc biệt là doanh thu ở các hộ kinh doanh còn chưa sát với doanh thu thực tế,... đã dẫn đến hiện tượng không công bằng trong động viên tiền thuế giữa các đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp với các đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Việc thực hiện quy trình thực hiện pháp luật thuế cũng chưa được nghiêm túc, còn để xảy ra tình trạng cán bộ thuế xâm tiêu, tham ô tiền thuế.. Thất thu thuế ở một số lĩnh vực vẫn còn như: kinh doanh vận tải, nghề cá, XDCCB nhà ở trong nhân dân,... nhiều trường hợp lợi dụng chính sách để trốn thuế một số ngành như xăng dầu, kinh doanh đại lý những mặt hàng thông thường,... ở một số đơn vị theo dõi nguồn thu không kịp thời, nhiều hộ kinh doanh hết hạn ổn định thuế nhưng chưa kịp thời điều chỉnh.

✓ Cải cách hành chính trong công tác thuế tuy được đẩy mạnh nhưng trong từng khâu công việc ở các bộ phận còn tồn tại như: khâu kiểm tra quyết toán thuế hộ kinh doanh còn chậm; kỹ thuật tính toán thông báo thuế còn sai lệch. Công tác duyệt bộ tổng hợp thuế GTGT và TNCN hộ kinh chưa được kịp thời; việc ấn định thuế đối với hộ kinh doanh chưa sát với thực tế kinh doanh.

✓ Đối với các hộ kinh doanh còn có biểu hiện lợi dụng quy trình tự tính, tự kê khai và nộp thuế để khai man và trốn lậu thuế. Việc quản lý sử dụng hóa đơn chứng từ tuy có nhiều tiến bộ hơn năm trước, nhưng tình trạng vi phạm về sử dụng hóa đơn ở các đơn vị vẫn còn xảy ra. Một số hộ kinh doanh mới thành lập, thời gian đầu chưa ổn định sản xuất kinh doanh nên thực hiện chế độ sổ sách kế toán chưa đầy đủ, tình trạng nợ thuế vẫn còn ở các đơn vị XDCCB, chủ yếu là do chủ đầu tư thanh toán chậm dẫn đến các đơn vị thi công khó khăn về vốn.

✓ Thuế nghề cá khó quản lý, sự phối hợp giữa cơ quan thuế với các ngành liên quan chưa đồng bộ, chính quyền xã có nơi thiếu sự quan tâm đến công tác thu dẫn đến thất thu thuế còn nhiều như xã Bình Châu - huyện Bình Sơn, xã Đức Lợi - huyện Mộ Đức; nợ đọng thuế nghề cá có biểu hiện tăng thêm.

✓ Vai trò tham mưu cho UBND phường, xã của một số đội thuế còn yếu, năng lực và trách nhiệm chưa cao, công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát thuế còn lỏng lẻo, ngại va chạm, thiếu kiên quyết xử lý vi phạm dẫn đến kết quả thu và chất lượng quản lý thuế còn thấp.

✓ Công tác tuyên truyền còn mang tính thời điểm, chiến dịch, không thường xuyên chủ yếu là do thiếu kinh phí hoạt động.

✓ Công tác thanh tra, kiểm tra thuế đã cơ bản khắc phục được tính chồng chéo nhưng đối với chính lĩnh vực của công tác thanh tra, kiểm tra thuế vẫn chưa khắc phục triệt để. Vì các ngành thanh tra theo kế hoạch và theo đơn thư là chủ yếu nhưng cơ quan thuế thì thanh tra kiểm tra sau khi đã nhận được hồ sơ quyết toán của các doanh nghiệp.

2.3.2. Những nguyên nhân của thực trạng vi phạm pháp luật thuế của hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

✓ *Tổ chức bộ máy:* Tổ chức bộ máy ngành thuế tuy đã được tăng cường về số lượng, chất lượng nhưng trình độ nghiệp vụ thực hiện pháp luật thuế còn chưa đáp ứng được so với yêu cầu công tác đa dạng phức tạp trong thực hiện pháp luật thuế hiện nay, trong cơ chế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước. Một số cán bộ còn làm việc theo giờ giấc hành chính, thiếu đi sâu vào các xóm ngõ, tổ đường phố, cụm dân cư, đặc biệt là giờ sáng sớm, đêm khuya để xác định doanh thu sát với thực tế kinh doanh. Cá biệt vẫn còn những cán bộ thuế thiếu tu dưỡng rèn luyện thường xuyên, thiếu kiên quyết đấu tranh chống thất thu, bảo vệ pháp luật thuế.

✓ *Quy trình nghiệp vụ:* Việc thực hiện các quy trình nghiệp vụ và biện pháp quản lý chỉ đạo của ngành chưa thực sự nghiêm túc. Nhiều nơi, nhiều lúc ngành thuế chưa tham mưu tích cực cho chính quyền các cấp, và chưa phối hợp tích cực để cùng chỉ đạo làm tốt công tác thực hiện pháp luật thuế.

✓ *Sự hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành luật:* Mục tiêu của các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc khu vực hộ kinh doanh là lợi nhuận thu được, nhưng cơ quan thuế chưa tận dụng mọi cơ hội thuận tiện, mọi hình thức sinh động tuyên truyền, giải thích chính sách, từng bước nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và khơi dậy tinh thần tự giác thực hiện nghĩa vụ với NSNN của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Mặt khác, các vi phạm về không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khai báo, thực hiện chế độ hóa đơn chứng từ, sổ sách kế toán, các hình thức gian lận khác để trốn thuế, cố tình dây dưa chậm nộp tiền thuế,... có nhiều lúc, nhiều thời điểm chưa được xử lý nghiêm khắc dẫn đến tình trạng xem thường phép nước hay nói cách khác tính pháp lý cao của các sắc thuế chưa được thể hiện trong công tác quản lý thu.

✓ *Sự phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan chức năng, trong thực thi các luật thuế:* Trong thời gian qua sự phối hợp giữa cơ quan thuế và các cơ quan chức năng liên quan để hoàn thành nhiệm vụ thu thuế đã được cải thiện một bước. Tuy nhiên, ở một số nơi, một số địa phương sự phối hợp này chưa chặt chẽ còn mang tính hình thức đã dẫn đến tình trạng thất thu thuế ở một số lĩnh vực nhất là trong thực hiện pháp luật thuế hộ kinh doanh. Những trường hợp chống đối, vi phạm có tình tiết nặng về thuế chưa được các cơ quan chức năng phối hợp xử lý kịp thời, đúng luật, chưa tạo được chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh kiên trì chống trốn lậu thuế đạt hiệu quả cao nhất.

✓ *Chính sách, chế độ:* Về chính sách, chế độ còn một số tồn tại, thiếu đồng bộ, thiếu tính thực tế gây khó khăn cho công tác thực hiện pháp luật thuế. Cơ chế thanh toán không dùng tiền mặt hiện nay chưa phổ biến ở Việt

Nam, do vậy thực hiện pháp luật thuế gặp nhiều khó khăn, nhất là ở khu vực hộ kinh doanh trong việc xác định chính xác doanh số thực tế kinh doanh ở cơ sở làm căn cứ cho việc tính đúng, tính đủ số tiền thuế mà đối tượng nộp thuế phải thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

Kết luận Chương 2

Pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh được điều chỉnh ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, các sắc thuế áp dụng đối với hộ kinh doanh đa dạng, được quy định một cách riêng biệt, cụ thể. Hộ kinh doanh là hình thức kinh doanh khá đặc thù, do vậy các quy định của các văn bản pháp luật về thuế có sự khác biệt so với các hình thức kinh doanh khác. Đây cũng là điểm chú trọng đặc biệt trong hoạt động lập pháp của nước ta. Gần đây, với sự thay đổi quy mô nền kinh tế và tính chất hoạt động của hộ kinh doanh cũng có sự thay đổi, các sắc thuế đối với hộ kinh doanh cũng đã thay đổi phù hợp với xu thế hiện nay. Đây là sự thay đổi bắt buộc và cần thiết, nhằm đơn giản hóa thủ tục thuế, giảm tình trạng quan liêu, bỏ sót trong hoạt động thu thuế đối với hộ kinh doanh.

Từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi, hoạt động thực thi pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh diễn ra suông sẻ. Số lượng các hộ kinh doanh trên địa bàn tăng lên qua từng năm, nguồn thu thuế cũng tăng lên tương ứng. Tuy nhiên, vấn đề vi phạm về thuế vẫn diễn ra, một phần do số lượng quản lý quá lớn nên bộ phận đảm nhiệm chức năng quản lý thuế đối với hộ kinh doanh không thể quản lý tốt. Đây là vấn đề đã diễn ra trong nhiều năm nhưng còn vướng mắc chưa thể khắc phục được trong thời gian ngắn.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI

3.1. Một số yêu cầu cơ bản nhằm hoàn thiện pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thứ nhất, thực hiện pháp luật thuế là nhiệm vụ chung của cơ quan thuế, chính quyền địa phương và cơ quan liên quan:

Phải coi việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác thuế là một trong số nhiệm vụ trung tâm, thường xuyên của chính quyền địa phương.

Tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo của chính quyền các cấp (đặc biệt là cấp cơ sở) đối với công tác thuế là yếu tố quan trọng nhằm thực hiện pháp luật thuế đạt hiệu quả đồng thời phát huy hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở.

Các cơ quan chức năng trong địa phương cần xác định rõ mối quan hệ với cơ quan thuế, vừa là phối hợp hỗ trợ nhưng vừa là trách nhiệm cùng cơ quan thuế để thực hiện tốt các luật thuế.

Cơ quan thuế các cấp phải chủ động, thường xuyên báo cáo cấp ủy Đảng, UBND các cấp về kết quả thu được, thực trạng quản lý thu trên địa bàn, những khó khăn vướng mắc, kiến nghị đề xuất các phương án thu, các biện pháp nghiệp vụ cụ thể để UBND các cấp chỉ đạo các ngành có liên quan phối hợp với cơ quan thuế tăng cường thực hiện pháp luật thuế đạt hiệu quả ngày càng cao hơn.

Đi đôi với cải cách hệ thống hành chính cần phải quy định rõ ràng về quyền hạn, trách nhiệm của UBND các cấp đối với công tác thuế. Cơ quan thuế phải thực sự là công cụ quản lý của chính quyền địa phương các cấp đối

với nền kinh tế.

Thứ hai, bảo đảm bình đẳng về nghĩa vụ nộp thuế:

Trong cơ chế thị trường, mọi thành phần kinh tế được bình đẳng trước pháp luật để cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh. Do đó, hệ thống thuế cũng phải được thực hiện thống nhất nhằm đảm bảo sự bình đẳng về nghĩa vụ đóng góp cho NSNN giữa các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, giữa các tầng lớp dân cư.

Đối với những cơ sở sản xuất kinh doanh có tính chất độc quyền, có nhiều lợi thế về trang thiết bị, về sản xuất, về tiêu thụ, giá cả,... phải có sự điều tiết cao hơn, vì thường các cơ sở này có thu nhập cao hoặc rất cao so với các ngành nghề bình thường.

Đối với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam, được khuyến khích phát triển, hướng mạnh vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, hàng hóa và dịch vụ có công nghệ cao, xây dựng kết cấu hạ tầng", việc ưu đãi về thuế ở mức độ nhất định, thời gian đầu của quá trình chủ động mở cửa hội nhập là cần thiết nhằm mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Do đó, về lâu dài cần phải nghiên cứu, thu hẹp, từng bước xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử tràn lan về nghĩa vụ nộp thuế đối với thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm sự bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh với các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế trong nước, tạo điều kiện bảo vệ và thúc đẩy sản xuất nội địa phát triển lành mạnh, có lợi cho quốc kế dân sinh.

Thứ ba, nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu bền vững trên cơ sở hoàn thiện chức năng của từng sắc thuế và cả hệ thống thuế:

Tất cả các nước trên thế giới đều xây dựng một hệ thống thuế với nhiều loại thuế khác nhau, qua đó động viên được nguồn thu đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước. Sử dụng nhiều loại thuế nguồn thu sẽ ổn định hơn vì trong

trường hợp có khó khăn nào đó mà bị thất thu loại thuế này sẽ có loại thuế khác gánh đỡ. Mặt khác, thuế không chỉ nhằm đảm bảo nguồn thu cho NSNN mà còn có nhiều tác dụng về quản lý điều tiết kinh tế, thực hiện động viên công bằng hợp lý giữa các tầng lớp dân cư.

Mỗi sắc thuế chỉ nên đảm nhiệm một số chức năng chủ yếu, nhất định, bảo đảm cho sắc thuế được đơn giản, có hiệu quả cao. Chẳng hạn, thuế GTGT được áp dụng với đối tượng rộng rãi có thể tạo được nguồn thu ổn định, quan trọng cho NSNN và thực hiện việc kiểm kê kiểm soát thường xuyên mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; thuế TTĐB động viên thêm một số thu cho NSNN đối với những người tiêu dùng hàng xa xỉ, hàng có nhiều ảnh hưởng đến sức khỏe, phong tục tập quán của nhân dân, hạn chế nhập khẩu hoặc sản xuất những mặt hàng không thật cần thiết cho đời sống nhân dân, cho sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước; thuế XNK với hàng rào thuế quan chặt chẽ và biểu thuế phù hợp sẽ tạo điều kiện hòa nhập với thị trường quốc tế, bảo vệ sản xuất nội địa và tạo được nguồn thu quan trọng cho NSNN; thuế TNCN, thuế thu nhập đối với những người có thu nhập cao động viên sự đóng góp trực tiếp của các tổ chức, cá nhân có thu nhập cao. Giữa các sắc thuế có mối quan hệ mật thiết, không trùng lặp, không chồng chéo mà bổ sung cho nhau để đảm bảo các mục tiêu kinh tế - tài chính - xã hội của cả hệ thống thuế.

3.2. Giải pháp về hoàn thiện pháp luật từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi

3.2.1. Giải pháp tức thời

Các đơn vị trong ngành xác định cụ thể nguồn thu, giao chỉ tiêu thu đến từng đội, trạm thuế, phòng thu; đẩy mạnh công tác chống thất thu trên tất cả các lĩnh vực, các khoản thu cụ thể đặc biệt là ở khu vực hộ kinh doanh. Trong quá trình tổng kết, sơ kết công tác thu cần kịp thời rút ra những kinh nghiệm, chấn chỉnh các tồn tại thiếu sót trong quản lý thu, đề ra các giải pháp cụ thể để

đảm bảo việc thực hiện tốt nhiệm vụ thu thuế ở cơ sở.

Tiếp tục triển khai thực hiện các luật thuế mới, nâng cao chất lượng quản lý và hoàn thành các quy trình quản lý của ngành:

- Tập trung hướng dẫn các chế độ, chính sách thuế, sửa đổi bổ sung mới phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương và hoàn thiện những khâu công việc trong quy trình quản lý của ngành. Bám sát cơ sở, kịp thời phát hiện và đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những tồn tại vướng mắc về chính sách thuế đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh trong thực tế.

- Xây dựng các biện pháp thu, cơ chế tài chính trình UBND tỉnh ban hành ngay từ đầu năm nhằm khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, tăng nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo mọi nguồn thu được tập trung nhanh gọn vào NSNN; trong đó chú trọng đến những hoạt động khó quản lý thu, gây thất thu nhiều cho NSNN như thuế nghề cá, thuế ngành vận tải,...

3.2.2. Giải pháp thứ hai: Hoàn thiện chế độ sổ sách kế toán, chứng từ hóa đơn trong thực hiện pháp luật thuế

Hóa đơn và sổ sách kế toán là phương tiện để ngành thuế tiến hành quản lý các đối tượng kinh doanh và thực hiện thu thuế theo đúng luật.

Hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ là chứng từ ban đầu cho việc hạch toán hoạt động kinh doanh vào các sổ kế toán của cơ sở. Hóa đơn phản ánh đầy đủ quan hệ tín nhiệm giữa cơ sở kinh doanh và khách hàng. Đây cũng là căn cứ hợp pháp cho việc thanh toán tiền mua hàng, tiền dịch vụ trong các cơ quan, doanh nghiệp,... Hóa đơn là chỗ dựa để xác định doanh thu tính thuế, các chi phí hợp lý được trừ khi xác định TNCT. Việc lập và lưu hành bắt buộc hóa đơn là một biện pháp quan trọng làm lành mạnh hóa các quan hệ kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy quá trình lưu thông hàng hóa theo nề nếp, kỷ cương, hạn chế buôn bán trốn thuế, hạn chế làm hàng giả.

Kế toán là công việc ghi chép, tính toán bằng con số những hiện vật, thời

gian lao động chủ yếu dưới hình thái giá trị để phản ánh, kiểm tra tình hình vận động của các loại tài sản, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn ở cơ sở.

Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, kế toán là công cụ để tính toán, điều hành các hoạt động kinh tế, kiểm tra việc bảo vệ sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh.

Kế toán có nhiệm vụ ghi chép, tính toán, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời, liên tục và có hệ thống số hiện có và quá trình sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, lao động, kết quả,... Mọi công việc trên phải được thực hiện theo đúng chế độ kế toán do Nhà nước quy định và yêu cầu quản lý kinh tế - tài chính của cơ sở. Thông qua việc ghi chép, tính toán, hạch toán kế toán phục vụ yêu cầu kiểm tra, thực hiện kế hoạch, chủ trương, hợp đồng sản xuất kinh doanh,... Cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin kinh tế phục vụ cho chủ cơ sở và Nhà nước điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế.

Muốn thực hiện tốt mục tiêu của việc thực hiện chế độ sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ ở các cơ sở sản xuất kinh doanh cần thiết phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nâng cao chất lượng công tác sổ sách kế toán và sử dụng hóa đơn chứng từ trong sản xuất kinh doanh:

Thực hiện tốt chế độ kế toán hộ kinh doanh là một trong những công việc rất khó khăn phức tạp, bởi lẽ: ở khu vực kinh tế này trình độ của cơ sở kinh doanh còn hạn chế, chưa qua đào tạo, hầu như chưa nắm bắt kịp những chính sách, chế độ do Nhà nước ban hành; với mục tiêu lợi nhuận là trên hết, cơ sở luôn tìm mọi cách để lách trốn thuế của Nhà nước cho nên việc ghi chép trên sổ sách kế toán, chứng từ hóa đơn còn nhiều hạn chế. Do vậy, đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ và quán triệt sâu sắc mục tiêu, ý nghĩa của công

tác kế toán trong quá trình thực hiện pháp luật thuế. Để nâng cao chất lượng thực hiện công tác này và đưa nó trở thành công cụ giúp cho ngành thuế thu thuế đúng luật, thực hiện công bằng xã hội, ngành thuế cần phối hợp tích cực với các ngành trong việc chỉ đạo công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích cho các cơ sở thực hiện.

Cán bộ thuế phải nắm bắt đầy đủ, kịp thời các chế độ về kế toán và hóa đơn chứng từ do Nhà nước quy định. Tăng cường trách nhiệm cá nhân của cán bộ quản lý đối với các cơ sở thực hiện chế độ sổ sách kế toán. Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ kế toán, nghiệp vụ thực hiện pháp luật thuế nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ đủ mạnh về lượng và chất để đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng cao đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường quản lý việc sử dụng hóa đơn chứng từ:

Theo các quy định hiện hành của Nhà nước, tất cả các tổ chức, cá nhân có sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc mọi thành phần kinh tế khi mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ thu tiền đều phải thực hiện chế độ quản lý sử dụng hóa đơn. Các trường hợp mua, bán hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 100.000đ trở lên đều phải lập và giao hóa đơn bán hàng đúng quy định. Tuy nhiên việc sử dụng hóa đơn bán hàng hiện nay chưa được thực hiện nghiêm túc. Nhiều tổ chức, cá nhân chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt nên đã tìm cách lợi dụng hóa đơn để trốn thuế, thu lợi bất chính, gây thiệt hại về tài chính công quỹ của Nhà nước thể hiện bằng các hành vi sau:

+ Sử dụng hóa đơn in giả mẫu của Bộ Tài chính để kinh doanh trốn thuế hoặc dùng để thanh toán, quyết toán tài chính trong các cơ quan - đơn vị thụ hưởng tiền từ NSNN.

+ In hóa đơn giả mẫu của Bộ Tài chính.

+ Lập hóa đơn ghi liên 2 cao hơn liên 1 để chiếm đoạt tiền thuế, thanh toán, quyết toán tài chính.

+ Bán hóa đơn không.

+ Cạo sửa hóa đơn mua hàng ghi số tiền cao hơn số tiền thực tế để khấu trừ, hoàn thuế, thanh toán, quyết toán tài chính.

+ Lập hóa đơn không (thực tế là không mua, bán hàng hóa) thông đồng với đơn vị xuất khẩu để kê khai hoàn thuế GTGT hàng xuất khẩu.

+ Khi bán hàng hóa, dịch vụ, việc lập, giao hóa đơn bán hàng của các cơ sở vẫn còn tùy tiện: không giao hoặc giao hóa đơn thì đòi nâng giá hàng hoặc giao hóa đơn không hợp pháp để kinh doanh trốn thuế. Đối với khách hàng khi mua hàng tiêu dùng cho gia đình thì không quan tâm đến việc đòi hóa đơn hợp pháp. Nếu mua hàng cho cơ quan - đơn vị nhiều trường hợp đã chủ động yêu cầu người bán hàng lập hóa đơn với số tiền cao hơn thực tế để thanh toán hoặc tự lập hóa đơn mua bán hàng cao hơn để lấy tiền, tham ô công quỹ của Nhà nước.

+ Lợi dụng Nhà nước tạo thuận lợi trong việc cấp giấy phép kinh doanh đã xuất hiện một số doanh nghiệp sau khi được cấp giấy phép thành lập, đã đăng ký thuế, mã số thuế và mua hóa đơn tại cơ quan thuế để sử dụng nhưng mang hóa đơn đi bán.

+ Đối với cơ quan thuế:

Tổ chức thực hiện việc ghi (đóng dấu) tên, địa chỉ, mã số thuế trên liên 2 (liên giao khách hàng) của từng số hóa đơn ngay tại cơ quan thuế đối với hóa đơn do Bộ Tài chính phát hành, khi cơ sở đến cơ quan thuế để mua hóa đơn, tránh tình trạng cho, bán hóa đơn trắng.

Tăng cường công tác hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện việc quản lý, sử dụng hóa đơn chứng từ đúng quy định; khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ phải xuất hóa đơn cho khách hàng, kể cả trường hợp hàng hóa có giá trị dưới 100.000đ mà người mua yêu cầu.

Đẩy mạnh việc triển khai chế độ kê toán hộ kinh doanh, đồng thời phối

hợp với các cơ quan chức năng như: công an, quản lý thị trường định kỳ kiểm tra, xử phạt nghiêm minh, đúng pháp luật đối với những cơ sở đặt, in hóa đơn không hợp pháp; các cơ sở khi bán hàng hóa, dịch vụ không xuất hóa đơn hoặc yêu cầu khách hàng phải trả thêm tiền mới xuất hóa đơn và những trường hợp sử dụng hóa đơn giả, hóa đơn không hợp pháp để kê khai khấu trừ thuế, hoàn thuế.

Phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng tại địa phương tổ chức tuyên truyền công tác quản lý sử dụng hóa đơn cho mọi đối tượng để người bán hàng lẫn người mua hàng khi mua, bán hàng hóa, dịch vụ phải xuất và nhận hóa đơn, đồng thời đưa tin những vụ vi phạm điển hình về hóa đơn, chứng từ ở địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm ngăn chặn tình trạng vi phạm chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ còn phổ biến trong giai đoạn hiện nay.

+ UBND các cấp tăng cường trách nhiệm trong việc chỉ đạo kiểm tra tình hình sử dụng hóa đơn để thanh quyết toán kinh phí nhà nước đối với các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp. Chỉ đạo cơ quan thuế tăng cường, củng cố, mở rộng diện hộ kinh doanh thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ trong quá trình sản xuất kinh doanh của cơ sở.

+ Định kỳ vào những ngày đầu tháng, quý, cơ quan tài chính, cơ quan thuế các cấp thực hiện báo cáo bằng văn bản cho UBND cùng cấp các vi phạm và xử lý về sử dụng hóa đơn không hợp pháp trong thanh quyết toán tài chính, trong kê khai thuế để UBND theo dõi và chỉ đạo kịp thời.

+ Ngoài ra, để thực hiện tốt chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ trong mọi hoạt động kinh tế, tạo thêm môi trường thuận lợi cho việc chống thất thu thuế có hiệu quả và hỗ trợ tích cực cho chủ trương chống tham nhũng cần có thêm những quy định sau:

Có chế độ khen thưởng phù hợp đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh,

dịch vụ thực hiện tốt chế độ sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ. Chẳng hạn, hộ kinh doanh có thể được giảm 5% - 10% số thuế khoán phải nộp trong tháng;... Muốn được giảm thuế, hộ phải đăng ký với cơ quan thuế địa phương cam kết thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ. Hàng tháng phải kê khai doanh số hàng mua vào, bán ra kèm theo tờ khai cụ thể về hóa đơn đã có, cán bộ chuyên quản kiểm tra xác nhận tờ khai trình lãnh đạo Chi cục thuế xét duyệt việc giảm thuế.

Đối với cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp khi mua hàng hoặc cung ứng dịch vụ có đầy đủ hóa đơn hợp lệ, có bảng kê hóa đơn (ghi rõ ký hiệu xêri, số hóa đơn, tên hàng hóa, dịch vụ, số tiền mua hàng và tên, địa chỉ, mã số thuế của đơn vị bán hàng), được cơ quan tài chính chấp nhận thanh toán đầy đủ khi quyết toán tài chính năm.

Áp dụng thử nghiệm hình thức mở thưởng đối với số xêri của hóa đơn, chỉ nên áp dụng đối với khu vực người tiêu dùng hàng hóa trực tiếp cho sinh hoạt không kể các cơ quan nhà nước vì khu vực này có thể kiểm soát dễ dàng. Có thể số tiền thưởng trong mở thưởng sẽ tiết kiệm hơn nhiều lần so với công tác kiểm tra mà hiệu quả hơn, nhanh chóng hơn, mang tầm vĩ mô hơn, tránh được phiền hà, những nhiễu,.... Việc mở thưởng nên thực hiện theo tháng và được thông tin đến tận người dân. Trong quá trình thực hiện sẽ mất nhiều thời gian và công sức của cán bộ, công chức và một phần số thu ngân sách nhưng dần dần từng bước với biện pháp kích thích này sẽ phát huy tác dụng tích cực và có tác dụng đòn bẩy trong quá trình thực hiện pháp luật thuế. Yêu cầu của việc mở thưởng là chọn đối tượng tham gia, điều kiện để được lãnh thưởng, số lượng quy mô giải thưởng, quá trình tổ chức mở thưởng để không xảy ra sự lợi dụng, thiếu công tâm.

Khuyến khích việc sử dụng hóa đơn bán hàng đối với những hộ nông dân tiêu thụ sản phẩm thường xuyên hoặc định kỳ với giá trị lớn. Đây là

điều kiện thuận lợi để sản phẩm của người nông dân được tiêu thụ dễ dàng, giữ được giá bán phù hợp, không bị các tổ chức, cá nhân thu mua ép cấp, ép giá, tránh phiền hà trong quá trình vận chuyển và phản ánh đúng giá trị sản phẩm hàng hóa bán ra, giúp cho hộ nông dân tích lũy, tái đầu tư mở rộng sản xuất. Đồng thời nâng cao đời sống vật chất cho người nông dân và làm cơ sở cho các chính sách ưu đãi đầu tư, phát triển sản xuất. Mặt khác, nhằm giảm bớt những vướng mắc, những thủ tục rườm rà, tiêu cực trong quá trình kiểm tra, kiểm soát đối với người nông dân khi mang sản phẩm đi tiêu thụ trên thị trường. Việc người nông dân khi bán sản phẩm có sử dụng hóa đơn sẽ giảm bớt việc sử dụng bảng kê thu mua hàng trong việc hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp, hạn chế hiện tượng tiêu cực, quá trình khấu trừ, hoàn thuế GTGT, tăng cường hiệu quả của công tác thực hiện pháp luật thuế.

+ Ban hành mẫu hóa đơn đặc thù cho việc mua bán hàng hóa theo hình thức đặt, gửi hàng thông qua điện thoại, Fax, ký gửi phù hợp với yêu cầu thực tế phát sinh hiện nay. Loại hóa đơn này áp dụng theo phương thức hồi báo (liên 2 và liên 3 được gửi kèm theo hàng, khi người mua nhận đủ hàng thì ký nhận và gửi hồi báo liên 3 cho người bán hàng làm cơ sở thanh toán), nhằm xác lập tính pháp lý rõ ràng giữa người mua, người bán, khuyến khích các đơn vị tích cực sử dụng hóa đơn bán hàng, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan chức năng dễ kiểm tra, đối chiếu xác minh, hạn chế trường hợp quay vòng hóa đơn để trốn thuế.

Thực hiện được những bước công việc trên mới hạn chế được tình trạng sử dụng hóa đơn giả, mua bán hóa đơn trắng, ghi hóa đơn liên trên doanh số ít liên dưới doanh số cao hơn,... góp phần xây dựng trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực tài chính, tăng cường pháp chế của Nhà nước trong quản lý kinh tế và góp phần bảo vệ công bằng xã hội.

3.2.3. Giải pháp thứ ba: Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương trong thực hiện pháp luật thuế

Pháp luật thuế được thực hiện trên cơ sở chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Do đó, từng cấp ủy Đảng, tổ chức Đảng các cấp phải có chương trình và biện pháp cụ thể để lãnh đạo cơ quan chính quyền, chuyên môn, đoàn thể triển khai tích cực và thực hiện tốt chính sách thuế. Công tác thực hiện pháp luật thuế hiện nay đang thực sự là một công tác lớn của Nhà nước và nhân dân. Đây đồng thời cũng là một cuộc đấu tranh quyết liệt, bởi nó đụng chạm đến lợi ích của Nhà nước, của từng đơn vị sản xuất kinh doanh và mỗi người dân trong xã hội. Trong khi chính sách thuế còn nhiều tồn tại cần phải khắc phục, hoạt động của bộ máy ngành thuế còn chưa ổn định, cơ chế quản lý thuế còn nhiều sơ hở, giác ngộ về nghĩa vụ thuế của đa số các đối tượng nộp thuế còn thấp, sự phát triển của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập ngày càng mở mang đa dạng, phong phú về các phát sinh kinh tế,... tất cả tạo nên sự phức tạp cao độ trong công tác thực hiện pháp luật thuế cho nên nếu không có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng và chính quyền nhà nước các cấp thì hiện tượng thất thu thuế sẽ ngày càng tăng.

Trong điều kiện hiện nay, chính quyền địa phương có vai trò rất quan trọng đến công tác tổ chức thực hiện pháp luật thuế. Nhưng để thực hiện tốt vai trò chỉ đạo của chính quyền các cấp, Trung ương cần quy định chức năng, quyền hạn của chính quyền địa phương trên cơ sở quán triệt Luật NSNN. Xác định rõ ranh giới giữa tài chính Trung ương và tài chính địa phương để xây dựng một hệ thống ngân sách thống nhất. Trên cơ sở đó tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp đối với công tác thực hiện pháp luật thuế; UBND các cấp cần coi việc chỉ đạo điều hành công tác thực hiện pháp luật thuế trong địa phương mình là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Đảng và Nhà nước giao phó. Từ nhận thức đó để bố trí cán bộ theo dõi, giúp

đỡ, đôn đốc việc thực hiện pháp luật thuế, cần chỉ đạo để giúp ngành thuế phối hợp tốt với các ngành tài chính, ngân hàng, kế hoạch, đầu tư, xây dựng,... để chống thất thu thuế. Cần quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của UBND các cấp trong tổ chức thực hiện pháp luật thuế. Chính quyền địa phương phải thực hiện quyền thu thuế trên lãnh thổ của mình, giúp cho chính quyền địa phương là cơ quan thuế. Tránh tình trạng chính quyền thờ ơ với công tác thuế, coi đó là nhiệm vụ riêng của ngành thuế, đồng thời cũng không được can thiệp một cách sai trái vào chính sách, pháp luật thuế.

3.2.4. Giải pháp thứ tư: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền chính sách thuế

Xây dựng các Luật thuế, pháp lệnh thuế nhằm cung cấp cho cơ chế quản lý tài chính những phương tiện quản lý, làm cơ sở và đảm bảo cho việc ban hành các quyết định phù hợp với đối tượng quản lý. Muốn các quy phạm pháp luật thuế tác động vào đối tượng nộp thuế, cần khâu tiếp theo đó là việc áp dụng luật thuế, đảm bảo cho chủ thể quản lý tổ chức thực hiện các quy phạm pháp luật thuế đối với các đối tượng nộp thuế. Các quyết định quản lý mang lại hiệu quả khi nó tác động tới đối tượng quản lý, tới những người chấp hành và thực hiện nghiêm túc. Điều đó, phụ thuộc vào khâu thực hiện luật thuế, vào tính tự giác của mỗi công dân, đồng thời phụ thuộc vào hiệu quả của các luật thuế. ở nước ta hiện nay, việc xây dựng, áp dụng và tổ chức thực hiện Luật thuế còn nhiều hạn chế. Thể hiện sự coi thường pháp luật của các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế. Để khắc phục tình trạng trên, điều quan trọng là phải tiến hành thường xuyên việc giáo dục và nâng cao ý thức pháp luật là điều kiện hàng đầu để tăng cường pháp chế trong thực hiện các luật thuế. Phải giáo dục những điều sơ đẳng về chính sách thuế ngay trong ghế nhà trường tiểu học, giáo dục và phổ cập những điều cơ bản của luật thuế cho mọi công dân hiểu biết và thực hiện tốt. Các nhà chức trách, các tổ chức,

đặc biệt là cơ quan thi hành pháp luật phải có biện pháp nâng cao sự hiểu biết và hình thành một ý thức pháp luật trong quảng đại quần chúng nhân dân. Điều đó, không những là tiền đề mà còn là chỗ dựa cho việc xây dựng và thi hành các luật thuế. Cần có sự kết hợp chặt chẽ của các ngành, các cơ quan thông tin báo chí, đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ của ngành giáo dục để tuyên truyền phổ biến luật thuế. Cần tạo ra một sự chuyển biến sâu sắc trong toàn xã hội từ chỗ khuyến khích chống thuế dưới chế độ cũ sang hình thức nộp thuế là nghĩa vụ, là biểu hiện nhiệt tình yêu nước của mỗi người, niềm tự hào về mức đóng góp của mình đối với đất nước. Trốn thuế, lậu thuế đồng nghĩa với lừa đảo và ăn cắp, không những bị pháp luật trừng trị nặng, ghi vào hồ sơ cá nhân, không ai muốn thuê mướn sử dụng người đang bị án mà còn bị xã hội khinh rẻ, phê phán. Phương pháp tuyên truyền có hiệu quả nhất là thông qua các cấp chính quyền, cơ quan đoàn thể quần chúng. Cần nhận thức rằng, Nhà nước Việt Nam là "Nhà nước của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân". Do đó, phải bằng mọi cách làm cho người dân hiểu đúng pháp luật và chấp hành pháp luật, thực hiện sự kiểm tra của nhân dân đối với cơ quan thuế. Ngành thuế và các cấp chính quyền tranh thủ kết hợp trong các cuộc họp, hội nghị tổng kết của Đảng, chính quyền, đoàn thể, quần chúng để tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách thuế. Việc cung cấp tri thức và giáo dục, tuyên truyền ý thức về pháp luật cho mỗi công dân không phải sự nghiệp riêng của ngành thuế mà là nhiệm vụ có tầm chiến lược quốc gia cần đặt dưới sự chỉ đạo của Trung ương và các cấp chính quyền địa phương. Kinh nghiệm cho thấy, trong quá trình tuyên truyền cần phải lưu ý quan tâm đến tâm tư của người nộp thuế. Người nắm được chính sách thuế thì luôn mong đợi câu trả lời chính xác, người chưa nắm vững thì mong được nghe trình bày và giải thích rõ hơn. Nếu làm được như vậy sẽ cải tiến được mối quan hệ giữa nhân dân và người nộp thuế với các cơ quan chức năng

quản lý nhà nước về thuế. Các địa phương cần đẩy mạnh công việc thành lập các trung tâm dịch vụ, tư vấn pháp luật về thuế (có thể thu lệ phí hoặc không thu lệ phí hướng dẫn, tư vấn). Giúp đỡ, hướng dẫn thực hiện công tác kế toán, sổ sách chứng từ và khuyến khích động viên sự trung thực trong khai báo và tự giác nộp thuế. Phải đề cao trách nhiệm của Bộ Tư pháp và các cơ quan tư pháp ở địa phương trong việc phổ biến, tuyên truyền pháp luật thuế. Hàng năm, cần tiến hành tổ chức tổng kết công tác thuế với đối tượng nộp thuế trên địa bàn để rút kinh nghiệm. Coi trọng việc biểu dương khen thưởng tổ chức, cá nhân nộp thuế đúng luật và phê phán những cơ sở trốn thuế, lậu thuế để có tác dụng giáo dục. "Cần thiết phải tôn vinh và có chế độ khen thưởng phù hợp ở các đối tượng nộp thuế và doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế". Ban tuyên giáo, các cấp ủy cần quan tâm hơn nữa đối với công tác này, phải coi đây là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của mình. Qua các phiên họp của Hội đồng nhân dân các cấp, cần phải thông báo cụ thể cho nhân dân biết về tình hình và hiệu quả sử dụng nguồn thu thuế, nhằm tăng thêm chất lượng trong công tác tuyên truyền. Mở rộng hình thức tuyên truyền bằng tranh cổ động, áp phích thể hiện các công trình được xây dựng bằng nguồn thu thuế.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giải thích sâu rộng các luật thuế mới bằng nhiều hình thức.

+ Phối hợp với các ngành có liên quan để tháo gỡ những khó khăn, khai thông các cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, tăng nguồn thu cho ngân sách.

+ Phối hợp với chính quyền phường, xã và các ngành chức năng để thực hiện kê khai, đăng ký, cấp mã số thuế cho đối tượng nộp thuế, đảm bảo không bỏ sót đối tượng hiện đang sản xuất kinh doanh trên địa bàn mà trọng tâm là các hộ nghề cá, xe vận tải,... qua đó để hoàn chỉnh công tác tin học hóa trong

quản lý đối tượng nộp thuế.

Nâng cao trách nhiệm của các cán bộ thực hiện quy trình tiếp nhận tờ khai, kiểm tra, nhập dữ liệu vào máy tính, tính phạt nộp chậm, thông báo thuế. Thực hiện công tác hoàn thuế kịp thời theo đúng luật, đảm bảo nhanh gọn không gây phiền hà cho đối tượng nộp thuế. Đối với các hồ sơ hoàn thuế có vấn đề nghi vấn thì thực hiện kiểm tra sau hoàn thuế, xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm, chuyển cơ quan pháp luật truy tố đối với những vụ việc vi phạm mang tính cố ý gian lận để chiếm đoạt tiền thuế của NSNN.

Thường xuyên kiểm tra các đơn vị, cơ sở kinh doanh có sử dụng hóa đơn. Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp bán, cho hóa đơn, hóa đơn giả và phối hợp chặt chẽ với các Cục thuế bạn làm tốt công tác đối chiếu xác nhận hóa đơn phục vụ kiểm tra thuế các đối tượng nộp thuế. Theo dõi và nhắc nhở các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh có sử dụng hóa đơn, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ tình hình sử dụng hóa đơn chứng từ. Khuyến khích các hộ kinh doanh thực hiện tốt chế độ kế toán chuyển sang nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Tổ chức khen thưởng cho các hộ, cơ sở kinh doanh thực hiện tốt chế độ sổ sách kế toán hóa đơn chứng từ.

Phân loại các khoản nợ để có giải pháp thu hợp lý. Đôn đốc thu nộp kịp thời các khoản thuế phát sinh, nợ đọng và các khoản thu khác, không để dồn thu vào cuối quý, cuối năm. Kiên quyết xử lý phạt nộp chậm theo luật, lập và chuyển hồ sơ sang các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp cố tình chây lỳ không thực hiện nghĩa vụ với ngân sách.

Tập trung khảo sát, kiểm tra đề ra các biện pháp chống thất thu ở các lĩnh vực còn thất thu lớn như: nghề cá, vận tải, một số ngành nghề, hộ kinh doanh có quy mô lớn ở những địa bàn trọng điểm.

Đối với những hộ kinh doanh nhỏ: thực hiện phương pháp thu trực tiếp, các Chi cục thuế cần phát huy vai trò của Hội đồng tư vấn thuế phường, xã

trong việc điều chỉnh mức thuế ấn định sát với mức kinh doanh thực tế, đảm bảo đạt được mức thuế đã được Cục thuế duyệt bộ hàng quý. Thực hiện nghiêm yết, thông báo công khai mức thuế của từng đối tượng trước và sau nộp thuế.

+ Lập kế hoạch tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ ngành và các đối tượng nộp thuế với các nội dung cụ thể sau:

Kiểm tra việc chấp hành các chế độ chính sách thuế, lệ phí, đặc biệt là các Luật thuế mới, việc thực hiện miễn giảm thuế, hoàn thuế và xử lý vi phạm về thuế.

Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp hành thu, các quy trình thực hiện pháp luật thuế đối với từng khu vực từ việc nắm đối tượng nộp thuế, các yếu tố sản xuất kinh doanh, quy trình quản lý thu, chấp hành kỷ luật thu nộp,...

Kiểm tra các mặt công tác khác như: thực hiện chế độ quản lý biên lai, ấn chỉ thuế, hóa đơn chứng từ, quản lý và sử dụng kinh phí ngành, trích lập và sử dụng các quỹ, quy chế tiếp dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Trong công tác chống thất thu ngân sách cần tập trung thanh tra sau hoàn thuế đối với tất cả các hộ kinh doanh lớn nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế. Trước mắt tập trung thanh tra các doanh nghiệp đã được hoàn thuế ở hoạt động kinh doanh các mặt hàng là nông, lâm, hải sản xuất khẩu. Đồng thời phối hợp các ngành, các đơn vị trong nội bộ ngành thuế tiến hành kiểm tra các đối tượng xây dựng cơ bản ngoài tỉnh vào thi công trên địa bàn tỉnh, kiểm tra trước và sau hoàn thuế.

+ Phát triển và nâng cao chất lượng công tác tin học của ngành, phục vụ kịp thời thông tin cho công tác quản lý thuế của ngành; tiếp tục đào tạo và nâng cao những kiến thức cơ bản và khả năng tự xử lý những vướng mắc về chương trình quản lý ở Chi cục thuế các huyện, thị xã đồng thời triển khai thực hiện tốt các chương trình quản lý của ngành, phát huy mạng truyền tin

nội bộ ngành trong việc cung cấp thông tin kịp thời để nâng cao chất lượng công tác thực hiện pháp luật thuế.

+ Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của ngành và đẩy mạnh công tác thi đua, tuyên truyền, giáo dục chính sách thuế:

Về công tác tổ chức cán bộ: tiếp tục kiện toàn bộ máy Chi cục thuế, đặc biệt chú trọng đến bộ máy hành thu tổ, đội thuế. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ làm trong sạch đội ngũ cán bộ trong toàn ngành, nhằm xây dựng ngành thuế ngày càng vững mạnh, tạo được lòng tin trong nhân dân, trong đối tượng nộp thuế, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Nhà nước đã giao.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các báo đài trong tỉnh, huyện đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các luật thuế mới nhằm đạt mục tiêu phổ cập chính sách thuế mới đến với nhân dân.

Phát động nhiều đợt thi đua hàng quý, 6 tháng, các thời điểm thu quan trọng. Trong đó chú trọng đến các chỉ tiêu về chất lượng quản lý đối tượng nộp thuế, nợ đọng thuế, thuế nghề cá và các nội dung thi đua khác,... nhằm tạo ra phong trào thi đua mạnh mẽ trong toàn ngành, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu thi đua, hoàn thành nhiệm vụ thu trong năm tiếp sau.

3.3.5. Giải pháp thứ năm: Phát huy tác dụng thực hiện pháp luật thuế theo quy trình tách ba bộ phận và quy trình tự tính, tự khai, tự nộp thuế

- Quy trình tách ba bộ phận

Việc thực hiện quy trình quản lý, thu thuế theo ba bộ phận phải đi vào thực chất nhằm tăng cường công tác quản lý thu nộp thuế đạt hiệu quả cao, bảo đảm tính công khai, dân chủ, công bằng xã hội trong quá trình thực hiện các Luật thuế. Phát huy tính độc lập trong chuyên môn để nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân và tập thể trong quản lý thu, nộp thuế, có sự hỗ trợ tích cực giữa các bộ phận, khắc phục những nhược điểm, những sơ hở trong từng bộ phận công tác, từng bước cải tiến các nghiệp vụ hành thu theo hướng ngày càng văn minh, tiến bộ, tạo tiền đề cho việc vi tính hóa công tác thực

hiện pháp luật thuế.

Ba bộ phận thực hiện pháp luật thuế gồm:

+ Bộ phận quản lý đối tượng nộp thuế, đơn đốc thu nộp thuế và các khoản thu nộp khác do cơ quan thuế phụ trách (bộ phận quản lý);

+ Bộ phận tính thuế, lập sổ thuế, trình lãnh đạo cơ quan thuế duyệt các mức doanh thu, mức thuế, lập sổ thuế, phát hành thông báo thuế, theo dõi thu nộp thuế (bộ phận kế toán);

+ Bộ phận kiểm tra, thanh tra theo dõi, xem xét việc thực hiện các quy trình công tác của các bộ phận quản lý, bộ phận kế toán có gì đúng, sai cần được uốn nắn, xử lý theo đúng luật gồm cả đối với cán bộ nhân viên ngành thuế cũng như các cơ sở sản xuất kinh doanh (bộ phận thanh tra).

Ba bộ phận trên vừa có tính độc lập, đồng thời có mối quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ nhau để đảm bảo chất lượng quản lý, thu thuế với hiệu quả cao nhất.

Bộ phận quản lý có vị trí hết sức quan trọng tạo căn cứ ban đầu cho bộ phận kế toán, bộ phận kiểm tra thực hiện chức năng của mình được đầy đủ.

Bộ phận kế toán thực hiện việc tính thuế, lập sổ thuế, trình lãnh đạo cơ quan thuế duyệt và ra thông báo để đảm bảo cho bộ phận quản lý và bộ phận kiểm tra có cơ sở thực hiện việc thu thuế, xử lý nộp chậm,...

Bộ phận kiểm tra giúp bộ phận quản lý và bộ phận kế toán phát hiện các sai sót trong việc thực hiện các quy trình nghiệp vụ. Trên cơ sở đó hoàn chỉnh và uốn nắn kịp thời sai lệch, bảo đảm việc chấp hành các luật thuế được đúng đắn.

Ba bộ phận thường xuyên cung cấp thông tin cho nhau, cùng trao đổi, bàn bạc những vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật thuế hàng ngày hoặc đề xuất lên lãnh đạo xử lý những vấn đề quan trọng theo đúng thẩm quyền. Kết quả công việc của bộ phận này là căn cứ, tài liệu để thực hiện nhiệm vụ của bộ phận khác, cùng hỗ trợ nhau đảm bảo các quy

trình quản lý được thực hiện đầy đủ - nghiêm chỉnh - khép kín và khắc phục hiện tượng tùy tiện có thể phát sinh tiêu cực trong từng bộ phận.

- Quy trình tự tính, tự khai, tự nộp thuế

Thực hiện tốt quy trình quản lý thuế hiện đại mà các nước đang thực hiện, là xóa bỏ quy trình quản lý theo chế độ "chuyên quản", không còn phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Đối tượng nộp thuế phải đề cao tinh thần tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế theo luật pháp quy định, thực hiện tự tính thuế, tự kê khai thuế dựa vào kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình và tự nộp thuế vào Kho bạc Nhà nước. Cơ quan thuế thực hiện hành thu theo đúng chức năng nhà nước quy định, hạn chế việc cán bộ thuế tiếp xúc riêng với đối tượng nộp thuế, áp dụng hình thức phạt nặng đối với các trường hợp khai man, trốn thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời cho NSNN, giảm hiện tượng tiêu cực cả đối với người nộp thuế và cán bộ thu thuế.

Các doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ hóa đơn, kế toán, đặc biệt theo chế độ mã số thuế, cả đối với người bán và người mua hàng. Qua đó, có căn cứ chính xác để thực hiện đúng đắn việc tự tính thuế, kê khai thuế đối với doanh nghiệp, có cơ sở việc khấu trừ tiền thuế GTGT đầu vào và có tài liệu để cán bộ thuế kiểm tra xác định tính thuế đúng hay sai.

Thông qua chế độ tự tính thuế, tự kê khai, tự nộp thuế vào kho bạc Nhà nước, doanh nghiệp nâng cao được ý thức trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, kết hợp với việc xử lý nghiêm minh các trường hợp trốn lậu thuế.

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác thực hiện pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh

Thứ nhất, trong tuyển dụng cán bộ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

Theo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta, cải cách hành chính là một công việc quan trọng quyết định thành công của công cuộc đổi mới. Tổ chức bộ máy Nhà nước theo hướng tinh gọn, trong sạch, có đủ phẩm chất và năng lực phục vụ nhân dân.

Trong bối cảnh đó, để đảm bảo yêu cầu ngày càng cao của bộ máy thực hiện pháp luật thuế nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ thuế cũng như nâng cao tinh thần trách nhiệm của công chức thuế trong quá trình thi hành công vụ ngành thuế cần thiết cũng phải có những cải cách phù hợp về công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức ngành thuế, cụ thể:

Công tác thuế là công tác mang tính kinh tế - chính trị - xã hội tổng hợp, vì vậy cán bộ thuế một mặt phải là người am hiểu sâu về các chính sách tài chính, kế toán, các luật thuế, Pháp lệnh thuế đồng thời phải là người am hiểu các chính sách xã hội. Mặt khác, cũng cần phải có khả năng tuyên truyền, vận động quần chúng, bên cạnh đó phải là người có bản lĩnh kiên định vững vàng. Do đó, để có đội ngũ công chức thuế tốt, đủ tư cách đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác thuế không gây lãng phí cho xã hội, ngành thuế đã đến lúc cần có một cơ sở đào tạo riêng, không phải chỉ đào tạo mới mà còn đào tạo lại, bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kinh nghiệm, một trung tâm chuyên ngành có chất lượng cao phù hợp với yêu cầu thực tiễn của công tác thuế. Muốn có được đội ngũ công chức đủ đảm đương công tác thuế trong thời gian tới, công tác tổ chức cán bộ hàng năm trên cơ sở cân đối tổng thể cả nước sẽ có chỉ tiêu tuyển dụng để đào tạo thay thế. Vì yêu cầu của mỗi công chức thuế rất cao đòi hỏi phải nắm vững nhiều kiến thức và có năng lực, có sức khỏe nên nhất thiết phải qua sơ tuyển. Nội dung đào tạo nhất thiết phải có các giảng viên là cán bộ thuế có trình độ và kinh nghiệm truyền đạt và phải có nhiều kiến thức thực hành,... khi ra trường nếu đủ yêu cầu sẽ được tuyển dụng chính thức vào các vị trí đã được cân đối từ trước. Việc đào tạo có địa chỉ sẽ tạo nên khí thế tự học tập, tự rèn luyện cho mỗi học sinh, sinh viên mà từ đây chất lượng đội ngũ cán bộ sẽ được nâng cao.

Đối với một số cán bộ không được đào tạo đúng chuyên ngành thì hàng năm phải có kế hoạch bồi dưỡng tập trung để nâng cao chất lượng cán bộ; còn

bộ phận cán bộ thuế có chức danh như: thanh tra viên thuế, kiểm soát viên thuế,... thì nhất thiết hàng năm phải được tập huấn nghiệp vụ đồng thời phổ cập kiến thức quản lý mới, học tập trao đổi thêm kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Luôn coi trọng công tác giáo dục tư tưởng, thường xuyên rèn luyện phẩm chất "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư" có như vậy mới có đủ đội ngũ cán bộ có đức, có tài đáp ứng được yêu cầu quản lý thuế trong tình hình mới.

Thứ hai, về chính sách chế độ.

Về thuế môn bài: Theo nghị định 139/2016/NĐ-CP của chính phủ về lệ phí môn bài được áp dụng vào ngày 1/1/2017. Đây là quy định mang tính cách mạng, nhằm đơn giản hóa quy trình thực hiện thu thuế môn bài nhằm phát huy được mục đích của việc thu thuế môn bài. Cho đến nay tình hình kinh tế - xã hội đã có nhiều biến đổi nên chế độ thuế môn bài cũ đã có nhiều nhược điểm: có sự phân biệt giữa các tổ chức kinh tế với hộ kinh doanh cá thể, các mức thuế có sự chênh lệch cao, thu nhập làm căn cứ tính thuế cũng chưa phù hợp. Chính sách thuế Môn bài chưa điều tiết mạnh ở những ngành nghề, hoạt động có thu nhập cao, chưa có chế độ ưu đãi cho cơ sở sản xuất kinh doanh ở những vùng có khó khăn, vùng sâu, vùng xa, nghề đánh bắt hải sản, sản xuất muối,... Để hoàn thiện chính sách thuế một cách đồng bộ chính sách thuế môn bài mới đã được áp dụng. Xóa bỏ sự phân biệt giữa các thành phần kinh tế đảm bảo người có thu nhập cao nộp thuế cao hoặc ngược lại, người kinh doanh không đảm bảo mức sống tối thiểu thì được miễn giảm thuế. Có như vậy chính sách thuế mới đi vào cuộc sống.

Về thuế GTGT: Sau hơn 3 năm thực hiện, những vướng mắc cần giải quyết vẫn xoay quanh các nội dung sau: hoàn thuế GTGT, hệ thống chứng từ hóa đơn và những quy định sử dụng phù hợp, điều chỉnh mức thuế suất, những quy định khấu trừ cá biệt và khấu trừ không,... cần thiết phải sửa đổi nhanh để tạo thuận lợi hơn cho đối tượng nộp thuế, đồng thời nâng cao

hiệu quả công tác quản lý thu thuế. Bởi lẽ, trong những năm qua các tổ chức đã sử dụng những sơ hở trên chứng từ hóa đơn để moi tiền Nhà nước từ quá trình hoàn thuế, có thể liệt kê điển hình như sau: Hợp tác xã thương mại và dịch vụ Vạn Lợi (An Giang) chỉ có mỗi việc nhẹ tênh là bán hóa đơn cho các công ty chế biến để lập hồ sơ hoàn thuế lên tới 26,5 tỷ đồng; Công ty xuất nhập khẩu Hà Nam - Chi nhánh Hà Nội cũng hình thức trên đã được hoàn thuế 17 tỷ đồng; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn tinh dầu Hà Nội cũng vẽ ra con số 39.000 tấn tinh dầu (số lượng mà vét cả nước cũng không có được) để xuất khẩu để được hoàn thuế 7,2 tỷ đồng; Ngoài ra, một thực tế khác nhiều doanh nghiệp thành lập ra cũng để chỉ kinh doanh hóa đơn. Thành phố Hồ Chí Minh hiện có khoảng 1.500 doanh nghiệp mất tích, con số này ở Hà Nội là 1.000 doanh nghiệp. Vì vậy nên trong 3 năm thực hiện Luật thuế GTGT tổng số tiền được đề nghị hoàn là 15.600 tỷ đồng nhưng số thực hoàn chỉ khoảng 11.000 tỷ đồng trong đó số tiền chiếm đoạt hơn 1%

Về thuế TNCN: Mức độ động viên 32% đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh của Việt Nam là cao so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Trong thời gian đến cần ban hành mức thuế suất phù hợp để doanh nghiệp có điều kiện tăng phần lợi nhuận để lại tái đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Đối với thuế TNDN bổ sung cũng cần phải nghiên cứu để quy định phù hợp, vì để có được địa điểm kinh doanh thuận lợi, ngành nghề kinh doanh ít bị cạnh tranh, doanh nghiệp phải đầu tư nhiều vốn cho sản xuất kinh doanh sản phẩm mới, tập trung nhiều công sức để có được sự nhạy bén trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có tầm nhìn chiến lược trong kinh doanh, nên nếu đã nộp thuế suất thuế TNDN 32%, ngoài ra còn phải nộp thuế TNDN bổ sung 25% trên phần thu nhập còn lại sau khi nộp thuế TNDN theo thuế suất ổn định vượt 20% vốn chủ sở hữu có thể sẽ làm triệt tiêu động lực sản xuất kinh doanh, kìm hãm sản xuất, không kích thích sự phát triển và tăng trưởng kinh

tế trong giai đoạn hiện nay.

Về thuế TTĐB: Mở rộng diện chịu thuế TTĐB, thực hiện thống nhất với thuế GTGT, khuyến khích xuất khẩu, hạn chế và xóa bỏ các trường hợp giảm thuế TTĐB.

Nhà nước cần có chính sách tiền lương phù hợp đối với cán bộ, công chức ngành thuế, có thể tiền lương cao hơn các ngành khác và hình thức kỷ luật đối với những cán bộ, công chức có hiện tượng tham nhũng, tiêu cực cũng nghiêm khắc hơn. Có chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm công tác ở các phòng tư vấn thuế, phòng tuyên truyền thuế. Có kinh phí sử dụng cho hoạt động tuyên truyền, giáo dục ở một mức nhất định, sẽ làm tiêu tốn của ngân sách một khoản không nhỏ nhưng bù lại là ở tương lai trình độ dân trí được nâng cao, hiệu quả quản lý ngày càng tốt hơn không phải chỉ riêng ngành thuế mà cả xã hội. Đối với những cơ sở có số thuế hàng năm vượt dự toán đầu năm có thể quy định một mức thưởng phù hợp bằng một tỷ lệ % trên số thuế vượt dự toán, sẽ kích thích cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả hơn, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế, đây là một trong những nội dung bồi dưỡng nguồn thu thuế.

Thứ ba, tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh phù hợp với mô hình, hình thức kinh doanh của lĩnh vực này; tranh thủ sự hỗ trợ, phối hợp của các ban ngành tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn trong việc tuyên truyền khi niêm yết công khai lấy ý kiến về doanh thu, mức thuế khoán, điều tra doanh thu khoán, rà soát đối tượng quản lý thuế; tuyên truyền, tuyên dương khen thưởng người nộp thuế tự giác chấp hành pháp luật về thuế đúng quy định, tố cáo các trường hợp cán bộ thuế có các hành vi vi phạm quy định của Luật quản lý thuế, Luật công chức.

Thứ tư, hiện đại hóa công tác quản lý thuế, áp dụng công nghệ thông tin ở hầu hết các khâu quản lý để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính thuế cho người nộp thuế và giảm thiểu sự tiếp xúc trực tiếp với cán bộ thuế,

đó là: triển khai thí điểm khai, nộp thuế điện tử đối với 1 số lĩnh vực như cá nhân cho thuê tài sản, chuyển nhượng bất động sản, lệ phí trước bạ ô tô, xe máy; thủ tục cấp mã số thuế đơn giản để đảm bảo 100% cá nhân kinh doanh phải được cấp mã số thuế; 100% các chi cục thuế thực hiện lập, duyệt sổ bộ thuế, công khai thông tin hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán bằng ứng dụng công nghệ thông tin của ngành thuế

Thứ năm, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tăng cường kỷ luật kỷ cương cán bộ thuế; tăng cường sự kiểm tra, giám sát của cơ quan thuế cấp trên của các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương đối với việc quản lý thuế hộ kinh doanh.

Thứ sáu, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư yêu cầu các hộ kinh doanh đủ điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, chuyển thành doanh nghiệp để thực hiện nghĩa vụ thuế theo cơ chế tự khai tự nộp thuế, không nộp thuế theo phương pháp khoán như hiện nay, tiến tới sự minh bạch, bình đẳng trong thực hiện pháp luật về kinh doanh và pháp luật về thuế của các hộ kinh doanh.

Kết luận Chương 3

Qua thực trạng pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, chúng ta có thể nêu bật lên được những tồn tại và nguyên nhân làm giảm hiệu quả thi hành pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh. Số lượng đơn vị kinh doanh quá nhiều, công tác cán bộ chưa hiệu quả, ý thức pháp luật của các hộ kinh doanh kém,... là những vấn đề đã tồn tại từ lâu nhưng chưa có phương hướng giải quyết triệt để. Để có thể khắc phục những vấn đề đã tồn tại cần quyết tâm của các cấp, địa phương chịu trách nhiệm thực thi pháp luật thuế, cần sự đồng bộ từ đường lối, chính sách đến quá trình đào tạo cán bộ và quá trình vận hành, kiểm tra, giám sát. Đạt được những yêu cầu như vậy thì pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh mới phát huy được vai trò và tầm quan trọng đối với quá trình xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của nước ta.

KẾT LUẬN

Đường lối đổi mới đứng đầu của Đảng và Nhà nước trong những năm qua đã có tác động tích cực thúc đẩy, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh đúng hướng, tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân ngày càng tốt hơn, xóa được đói, giảm được nghèo. Đặc biệt từ khi Luật doanh nghiệp 2013 ban hành, các thủ tục hành chính được cải tiến đơn giản hơn tạo ra sự thông thoáng, từ đó các thành phần kinh tế phát triển mạnh, đặc biệt là các cơ sở hộ kinh doanh phát triển nhanh chóng, đa dạng và phong phú góp phần tạo nhiều sản phẩm hàng hóa dịch vụ phục vụ nhân dân, thu hút hàng vạn lao động có việc làm, ổn định thu nhập đóng góp một phần đáng kể cho NSNN.

Tuy nhiên, bên cạnh quá trình phát triển thì việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN của các cơ sở thuộc khu vực hộ kinh doanh chưa sát đúng với tình hình hoạt động của cơ sở theo pháp luật hiện hành, do đó dẫn đến sự mất công bằng trong động viên tiền thuế ở tất cả các thành phần kinh tế, hiện tượng thất thu thuế còn nhiều. Cho nên tăng cường và hoàn thiện thực thi pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh là điều cần thiết trong tiến trình cải cách thuế hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2015), *Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế.*
2. Bộ tài chính (2015), *Thông tư số 92/2015/TT-BTC ban hành ngày 15/06/2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế.*
3. Bộ tài chính (2014), *Thông tư 33/VBHN-BTC ngày 14/07/2014 hướng dẫn thực hiện nghị định số 75/2002/NĐ-CP ngày 30/8/2002 của chính phủ về việc điều chỉnh mức thuế môn bài.*
4. Bộ tài chính (2015), *Thông tư số 84/2016/TT-BTC ban hành ngày 17/06/2016 hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách Nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa.*
5. Chính phủ (2010), *Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 về đăng ký doanh nghiệp.*

6. Chính phủ (2016), *Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 Quy định về lệ phí môn bài.*
7. Chính phủ (2002), *Nghị định số 75/2002/NĐ-CP ngày 20/08/2002 về việc điều chỉnh mức thuế môn bài.*
8. Chính phủ (2015), *Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân.*
9. Chính phủ (2015), *Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ban hành ngày 28/10/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế tiêu thụ đặc biệt.*
10. Chính phủ (2016), *Nghị định 80/2016/NĐ-CP ban hành ngày 01/7/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.*
11. Cục thuế Quảng Ngãi (2012), *Báo cáo tổng kết công tác thu thuế năm 2012*, Quảng Ngãi.
12. Cục thuế Quảng Ngãi (2013), *Báo cáo tổng kết công tác thu thuế năm 2013*, Quảng Ngãi.
13. Cục thuế Quảng Ngãi (2013), *Báo cáo chuyên đề: Biện pháp quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014*, Quảng Ngãi.
14. Cục thuế Quảng Ngãi (2014), *Báo cáo tổng kết công tác thu thuế năm 2014*, Quảng Ngãi.
15. Cục thuế Quảng Ngãi (2015), *Báo cáo tình hình kết quả triển khai công tác 6 tháng đầu năm 2015; nhiệm vụ, biện pháp 6 tháng cuối năm 2015*, Quảng Ngãi.

16. Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi (2015), *Công văn số 1620/CT-QLN&CCNT ngày 26/8/2015 về việc Công khai thông tin Người nộp thuế nợ thuế theo quy định Luật Quản lý thuế.*
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 53*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ VIII*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng X, Đại biểu toàn Quốc lần thứ X*, Hà Nội.
21. Nguyễn Mỹ Phúc (2003), *Giải pháp tăng cường công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh cá thể tại chi cục thuế Hai Bà Trưng*, Luận văn Trường Đại học kinh tế quốc dân.
22. Quốc hội (2008), *Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008.*
23. Quốc hội (2013), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế giá trị gia tăng 31/2013/QH13 ngày 19/06/2013.*
24. Quốc hội (2008), *Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ban hành ngày 14/11/2008.*
25. Quốc hội (2014), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 70/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014.*
26. Quốc hội (2016), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế số 106/2016/QH13 ban hành ngày 06/04/2016.*
27. Quốc hội (2007), *Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ban hành ngày 21/11/2007.*

28. Quốc hội (2012), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012.*
29. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014.*
30. Thủ tướng chính phủ (2010), *Chỉ thị số 14/CT-TTg về thi hành Luật phí và lệ phí.*
31. Hoàng Thị Tuyết (2014), *Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam – thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.
32. Đặng Thị Thùy Trang (2015), *Hoàn thiện quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn Trường Đại học quốc gia Hà Nội.
33. www.quangngai.gov.vn
34. www.vanphong.danang.vn
35. www.quangngai.gdt.gov.vn